

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

CỬA TÙNG ĐÔI CÁNH GÀI

CỬA TÙNG ĐÔI CÁNH GÀI

In lần thứ nhất 1993

(Bìa Võ Đình, trình bày Reineck & Reineck)

Lá Bối giữ bản quyền

MỤC LỤC

	Trang
Cửa Tùng Đôi Cánh Gài	5 - 21
Tùng	22 - 59
Giọt Nước Cánh Chim	60 - 69
Một Bó Hoa Đồng	70 - 91

CỬA TÙNG ĐÔI CÁNH GÀI

Nhất Hạnh

Khi chàng dưng sĩ về đến chân núi thì trăng cũng vừa lên. Trăng mười chín soi sáng cảnh núi rừng cô tịch. Ánh trăng nhấp nháy đùa giỡn trên lá cây. Đêm thu mát lạnh. Cảnh vật hình như không có gì đổi thay sau bảy năm xa cách. Cảnh vật tuy không xa lạ, nhưng cũng không thân mật chào đón người cũ từ phương lạ trở về.

Chàng dưng sĩ dừng lại ở chân núi, nhìn lên. Trước mặt chàng, con đường mòn lên núi đã bị đôi cánh cửa tùng khép chặt. Chàng đưa tay cố đẩy. Nhưng hai cánh cửa kiên cố vẫn im lìm không lay chuyển dưới sức mạnh của đôi cánh tay chàng.

Chàng lấy làm lạ. Ngày xưa chẳng bao giờ sư phụ chàng lại cho đóng chặt cửa lên núi như thế này. Chỉ có một con đường đưa tới am sư phụ mà thôi, nhưng bây giờ lại bị đóng chặt. Hón hờ chàng vỗ tay

vào đốc kiếm, phi thân nhảy qua. Nhưng chàng không nhảy qua khỏi. Một mãnh lực gì níu lấy thân chàng trở lại, khiến chàng không cất mình lên khỏi hai cánh cửa tùng. Chàng rút gươm định chém rời cánh cửa. Nhưng khi chạm tới cánh cửa, lưỡi gươm văng trở lại như vừa chạm vào thép cứng. Chàng chùn tay, đưa lưỡi gươm lên nhìn. Lưỡi thép sáng loáng dưới ánh trăng. Cánh cửa tùng rắn quá, và hình như đã thu nhận thần lực của sư phụ chàng, nên đã đóng kín đường mòn lại một cách hết sức vững chãi. Chàng thở dài cho gươm vào vỏ rồi ngồi phịch xuống tấm đá lớn gần bên, ôm đầu nghĩ ngợi.

Bảy năm về trước, chàng còn nhớ rõ khi chàng xuống núi, sư phụ chàng đã lặng lẽ nhìn chàng một hồi lâu, không nói năng gì. Cái nhìn của Người tuy dịu dàng nhưng có lẫn đôi chút xót thương. Chàng đã cúi đầu im lặng trước đôi mắt dịu hiền và cái nhìn bao dung của sư phụ. Hồi lâu Người mới thông thả bảo chàng:

- “Ta không thể giữ con ở mãi bên ta. Thế

nào rồi con cũng phải xuống núi để hành đạo, để cứu người và giúp đời. Ta cho rằng con có thể ở lại cùng ta trong một thời gian nữa trước khi con rời ta xuống núi. Nay con đã muốn xuống thì con cứ xuống. Nhưng con ạ, ta mong con nhớ những điều ta dặn khi con đã đi vào cuộc sống đồng sự và lợi hành.” Rồi Người cận kề dặn chàng về những điều chàng nên tránh, và về những điều chàng nên làm. Sau hết, Người từ tốn và dịu dàng để tay trên vai chàng: - “Con phải nhớ những tiêu chuẩn hành động mà ta đã truyền thọ cho con trong năm sáu năm trời học tập. Chớ bao giờ làm một việc gì có thể gây khổ đau cho mình và cho kẻ khác, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Hãy tiến bước mạnh dạn trên con đường mà con chắc có thể đưa con và mọi người về nơi giác ngộ. Nên nhớ muôn đời những tiêu chuẩn khổ vui và mê ngộ để mà hành Đạo, độ đời.”

“Thanh bảo kiếm mà ta đã trao cho con, con hãy sử dụng nó để diệt trừ ma chướng. Hãy xem đó như lưỡi gươm trí tuệ nơi tâm con sẽ dùng để hàng

phục mê chướng và si vọng. Nhưng để giúp con, ta cho con thêm một bảo bối này để con có thể thành tựu công quả một cách dễ dàng.”

Người thông thả lấy trong tay áo ra một chiếc kính nhỏ và đưa cho chàng:

“Đây là MÊ NGỘ CẢNH. Tắm kính này sẽ giúp con biết rõ thiện ác, chính, tà. Có người gọi nó là kính chiếu yêu, bởi vì qua tấm kính này, con có thể thấy được nguyên hình của loài yêu quái.”

Chàng nhận bảo kính và cảm động đến nói không nên lời. Tờ mờ sáng hôm sau, chàng lên bái biệt sư phụ xuống núi. Người tiễn chàng xuống tận dòng Hồ Khê và thấy trò từ biệt nhau trong tiếng suối róc rách chảy. Sư phụ đặt bàn tay hiền dịu trên vai chàng nhìn thẳng vào cặp mắt chàng. Và nhìn theo chàng dững sí ra đi. Người còn dặn theo: “Nhớ không con, nghèo khổ không thay đổi, vũ lực không khuất phục, giàu sang không mờ ám nhé. Ta ở đây đợi ngày con mang đạt nguyện trở về.”

Chàng nhớ lại những ngày đầu tiên xuống núi tiếp xúc với cuộc đời. Chàng đã gặp trên con

đường hành đạo bao bộ mặt khác nhau của con người, đã dùng bảo kiếm và mê ngộ cảnh của sư phụ chàng một cách có hiệu quả. Chàng còn nhớ có một lần kia, trên con đường hành đạo, chàng gặp một vị đạo sĩ tay cầm phát trần, đi lại gần chàng và mời chàng về động để bàn tính công việc giúp đời. Đạo sĩ tỏ ra rất hăng hái với việc cứu nhân độ thế và giúp ích mọi loài. Ban đầu, chàng say sưa nghe theo lời đạo sĩ. Nhưng trong lúc tiếp xúc với vị đạo sĩ, chàng nhận thấy người này có dáng vẻ khả nghi. Chàng đưa tay rút mê ngộ cảnh ra chiếu. Trước mắt chàng, không phải là một đạo sĩ mà là một con yêu lớn có hai nanh dài, một cặp sừng trên trán và hai con mắt xanh lè đỏ lửa. Chàng vội nhảy lui lại và rút bảo kiếm chém. Yêu quái cố sức kháng cự, nhưng cuối cùng, chàng thắng, và yêu quái hiện nguyên hình quỳ dưới chân chàng xin dung toàn tánh mạng. Chàng bằng lòng tha tội nhưng buộc yêu quái phải trân trọng hứa lui về tu luyện để thoát xác thành người mà không được trá hình đạo sĩ để lừa bịp và tìm cách nuốt sống những kẻ khờ dại dễ

tin.

Một lần khác, chàng gặp một vị đường quan, rất có dáng dấp một bậc cha mẹ dân. Vị đường quan râu dài bạc phơ, hứa sẽ trọng dụng chàng và đã chịu khó thức suốt một đêm để bàn với chàng về những điều chánh trị ích quốc lợi dân. Vị đường quan đã tỏ ra mình là một người thiết tha đến hạnh phúc muôn dân, nhưng khi đưa mê ngộ cảnh lên, chàng hoảng hốt nhận đó là một con heo khổng lồ với cặp mắt háu đói, thêm khát, vô cùng khủng khiếp. Chàng đứng dậy rút gươm chém. Yêu quái bỏ chạy nhưng chàng đã nhảy ra đứng chặn giữa cửa công đường và hét bảo nó hiện nguyên hình. Con heo kinh khiếp hiện hình quỳ dưới chân chàng cầu xin tha tội và hứa sẽ về tu luyện tinh tấn, thoát xác biếng lười, không còn dám trá hình để rúc rĩa xương thịt người dân vô tội.

Có một hôm, đi ngang qua chợ, chàng thấy thiên hạ già trẻ trai gái xúm quanh ngôi hàng sách. Người đang bày bán sách và tranh cho mọi người là một cô gái mặt hoa da phấn, trên miệng luôn luôn

sẵn có một nụ cười. Thiên hạ trăm trồ khen ngợi tranh vẽ và thi nhau mua sách. Bên cạnh cô ta lại có một cô gái khác, cũng mặt hoa da phấn, tay ôm đàn, miệng cất tiếng hát khiến mọi người đã mua sách phải mê mẩn tâm thần không muốn ra khỏi cửa hàng. Thật là một cảnh thái bình nên thơ. Chàng cũng ngây ngất đứng nghe, và cuối cùng chàng lại gần cầm lên một bức họa. Màu sắc làm chàng choáng ngợp, nhưng qua nội dung chàng thấy thoáng gọn trong tâm linh một ít nghi ngờ. Đưa mê ngộ cảnh lên nhìn, chàng hết hoảng thấy nguyên hình hai con rắn độc, phun nọc phè phè. Chàng vội gạt mọi người ra, rút bảo kiếm, quát lên:

- Nghiệt súc! đừng phun nọc độc hại người.

Mọi người chạy tán loạn. Hai con rắn độc văng mình tới. Nhưng trước thần lực của lưỡi bảo kiếm, cuối cùng đành phải khoanh tròn dưới gối chàng van xin thứ tội. Chàng dùng bảo kiếm cắt đứt nọc độc, đốt cháy cửa hàng và tha cho yêu súc, buộc cả hai phải hứa trở về núi tu luyện cho thoát kiếp ngậm nọc phun người.

Cứ thế, chàng đã xử dụng bảo kiếm và mê ngộ cảnh theo đúng lời sư phụ dặn để cứu người và giúp đời. Chàng đã sống miệt mài với nhiệm vụ. Đã từ lâu chàng vẫn tự cho rằng chàng là NGƯỜI DŨNG SĨ CẦN THIẾT CHO CUỘC ĐỜI. Cuộc đời không thể vắng bóng chàng. Chàng đã trà trộn trong cuộc sống, có khi thành công, nhưng cũng nhiều khi thất bại. Đối diện với cuộc sống đầy mưu mô gian trá, nhiều lúc chàng phải uốn mình, linh động theo hoàn cảnh để chinh phục và chiến thắng. Có lúc chàng say sưa miệt mài trong công việc. Chàng cảm thấy thích thú khi hành động. Có khi chàng say quên cả ăn cả nghỉ, vì một sự theo đuổi mà chàng cảm thấy ví vui thích mà thực hiện hơn là ý thức rằng mình cần hoạt động để mà phụng sự. Thời gian trôi cứ như thế cho đến bảy năm. Một hôm trong lúc ngồi nghỉ bên một dòng sông, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi, chàng giật mình thấy đã từ lâu, gần hai năm nay, chàng không dùng đến mê ngộ cảnh. Chàng không dùng, không phải là chàng quên rằng mình có ngộ cảnh, mà chỉ vì

CHÀNG THẤY KHÔNG THÍCH DÙNG. Chàng nhớ lại trước đây đã có một thời chàng dùng mê ngộ cảnh một cách miễn cưỡng. Chàng nhớ lại những ngày mới xuống núi ấy, chàng đã chiến đấu rất hăng hái khi thấy nguyên hình những yêu quái xuất hiện trên mê ngộ cảnh. Chàng cũng cảm thấy hân hoan vô hạn khi soi thấy trên mê ngộ cảnh hình dáng các bậc hiền nhân. Nhưng trong thời gian trước đây, một cái gì khác lạ đã đến trong tâm hồn chàng, đến lúc nào chàng không nhận rõ. Chàng đã không thiết tha lắm khi nhìn thấy hình bóng một bậc hiền nhân, mà cũng không giận dữ lắm khi thấy một bóng hình yêu quái. Trong bóng hình yêu quái đó, đôi khi chàng lại nhận ra một vài nét hơi quen thuộc, và lưới bảo kiếm đã có thờ ơ khi có những bóng hình yêu quái xuất hiện trước kính thần.

Cho đến những ngày gần đây, chàng không dùng mê ngộ cảnh nữa. Chiếc kính vẫn nằm trong túi áo chàng, nhưng đã từ lâu không còn được sử dụng. Chàng lấy làm lạ và đã nói nhiều lần định quay về hỏi sư phụ. Nhưng đã ba tháng qua, bận bịu

những gì không đâu, chàng chưa có thể trở về. Mãi cho đến hôm mười hai tháng tám trước đây, đi qua một rừng mai hoa nở, thấy sắc hoa trắng như tuyết lấp lánh dưới ánh trăng thu, nhớ đến những ngày thơ ấu bên rừng mai già học tập dưới chân thầy, chàng mới quyết định trở về. Đường về sao chàng thấy xa quá. Bảy ngày trèo non lặn suối mới về tới được chỗ cũ. Nhưng đến chân núi thì trời đã tối. Trăng cũng vừa lên và hai cánh cửa tùng cũng đã khép chặt lối mòn.

Chàng đành phải đợi. Buổi sáng, người sư đệ của chàng thế nào cũng phải xuống suối múc nước, và như vậy sẽ mở cửa cho chàng. Trăng đã lên tới quá đỉnh đầu, ánh trăng vàng vạc chiếu xuống rừng núi âm u. Trời càng về khuya càng lạnh. Chàng lại rút kiếm ra nhìn. Ánh trăng lại lấp lánh trên lưỡi kiếm. Chàng lại tra kiếm vào vỏ. Trên mặt chàng thoáng nét ưu tư sâu muện. Chàng đứng dậy. Trăng sáng quá. Núi rừng vẫn u tịch và lạnh lùng. Chàng ngồi xuống phiến đá chờ đợi. Quãng đời bảy năm qua lại trở về trong trí óc chàng.

Trăng dần dần về phía núi xa. Ngàn sao lấp lánh linh động hơn, và cuối cùng bắt đầu mờ nhạt. Phương đông đã nhuộm dần ánh sáng mờ mờ.

Đường viền ngọn núi đã nổi dần trên vầng sáng nhạt. Bình minh sắp về.

Chàng nghe tiếng lá khô xào xạc trên núi. Ngẩng lên chàng thấy một bóng người mờ nhạt từ trên đi xuống. Chắc hẳn là người sư đệ của chàng. Trời đang tối quá chàng nhìn không rõ, chỉ thấy hình bóng. Nhưng chắc chắn đó là người sư đệ, bởi vì tay có cầm tịnh bình. Chàng đứng dậy. Bóng người tiến xuống và khi đến gần cánh cửa thì cũng vừa nhận ra được chàng dưng sĩ.

- “Đại huynh.”

- Sư đệ!

- Đại huynh về bao giờ thế ?

- Ta về lúc trăng mới lên và phải đợi cả đêm dưới này... Tại sao sư phụ lại cho đóng bít lối lên như thế?

Người sư đệ mỉm cười đưa nhẹ tay mở cửa. Hai cánh cửa tung bật ra một cách dễ dàng. Bước ra

nắm lấy tay chàng và nhìn chàng tận mắt.

- “Đại huynh ở một đêm giữa trời chắc lạnh lắm. Sương phủ ướt áo thế này mà, thôi để tiểu đệ phủi bột cho. Trước kia đệ thường ở dưới núi hái rau nhật củi và luôn tiện canh chừng người lên núi. Lâu lâu mới có một người lên núi. Nếu tiểu đệ thấy ai đáng lên hầu sư phụ thì tiểu đệ cho lên, nếu họ không đáng lên thì em lẩn tránh để cho họ lạc đường. Sư huynh biết rằng sư phụ không bao giờ muốn tiếp những người lên núi với tâm niệm không lành. Độ này tiểu đệ bận tập luyện luôn mà sư phụ cũng bận ngồi tĩnh tọa trong thạch động nên người dặn cho đệ khép cửa chắn ngang lối lên dưới này. Sư phụ có trao phép lạ khiến cho cửa tự động mở ra khi các bậc hiền nhân đến. Nhưng khi những kẻ phạm tục lên thì cửa cứ đóng chặt không thể nào vượt qua được. Nhất là khi kẻ ấy có yêu khí thì đừng mong lên núi.”

Chàng dững sĩ cau mày:

- “Nhưng không lẽ ta mà lại là yêu quái? Sao cửa lại đóng chặt?”

Người sư đệ cười lớn:

- “Vâng đại huynh sao lại là yêu quái được! Đệ cũng quên đi mất là tại sao cửa lại đóng. Nhưng bây giờ dù sao thì đại huynh cũng lên núi được rồi cơ mà, vì cửa đã mở. Nhưng đại huynh đợi em chút nhé. Để tiểu đệ xuống suối múc nước rồi cùng lên một thể. Hay đại huynh xuống suối với đệ cho vui. Cười lên chứ, đại huynh giận ai mà nét mặt trông khó đăm đăm như vậy?”

Hai anh em cười vang. Chàng dũng sĩ đi theo người sư đệ xuống suối. Mặt trời vẫn chưa lên, nhưng phương đông đã rạng. Hai người đã có thể nhìn rõ mặt nhau. Mặt suối lặng trong, in màu hồng của rạng đông. Bóng hai người đứng song song in hình trên mặt suối. Chàng dũng sĩ trong bộ võ phục hiên ngang, lưng đeo trường kiếm. Người sư đệ trong y phục tiểu đồng hòa nhã, tay cầm tịnh bình. Hai người cùng nhìn bóng mình in trên mặt nước mỉm cười. Một cơn bọt nước nhảy, làm mặt nước hồng gợn nhẹ và bóng hai người rung rung theo làn sóng nước gợn.

“Bóng chúng ta trên mặt nước đẹp quá nhỉ! Nếu bây giờ tiêu độ mực nước thì sóng dậy và bóng tan mất. À này đại huynh “mê ngộ cảnh” sư phụ cho đại huynh còn giữ đó không?”

Chàng dừng sĩ cho tay vào túi trả lời:

- “Còn đây

- Tại sao chúng ta không đem ra chiếu hình chúng ta xem nào?

Chàng sực nhớ là từ lâu chàng chưa chiếu mê thử trước hình bóng mình. Chàng lấy kính thần ra, lau bụi vào vạt áo, chiếu trên mặt nước. Hai anh em châu đầu vào mặt kính.

Nhưng bỗng cả hai người cùng hét lên một tiếng kinh hoàng, khủng khiếp, và tiếp theo đó chàng dừng sĩ ngã quy trên bờ suối bất tỉnh. Tiếng hét kinh khủng làm chấn động cả núi rừng hoang dại.

Một con nai đang uống nước phía trên dòng hoảng hốt đưa đầu lên nhìn, ngơ ngác kinh sợ.

Người sư đệ vừa trông thấy trong kính thần, hình bóng của mình đứng bên cạnh hình bóng một

con yêu to lớn với đôi mắt tối sâu như hai miệng giếng không đáy, hai chiếc răng dài quặp sâu vào chiếc cằm vuông, trên một khuôn mặt xám ngoét như gà cắt tiết. Người sư đệ rùng mình dụi mắt nhìn lại, trên bờ sống đá xanh, chàng dũng sĩ vẫn nằm ngã lãn bất tỉnh, trên mặt vẫn còn in rõ nét kinh hoàng, đau khổ hiện hình một cách thảm hại trên con người đã từng xông pha lăn lộn bảy năm trong cuộc đời đầy cát bụi.

PHỤ CHÚ: - (Tôi chấm dứt câu chuyện ngang đây, mà nghĩ rằng chàng dũng sĩ sẽ không còn lên núi lại được. Nhưng sau đó tôi nghĩ có thể thêm vào một đoạn như sau).

Người sư đệ đến ôm lấy chàng dũng sĩ và lấy nước sống vã vào mặt chàng. Vài phút sau, chàng tỉnh dậy, nét mặt vô cùng bi thảm. Hình bóng trên mê ngộ cảnh hiện ra bất ngờ quá và ý thức tự giác trong nháy mắt đã làm cho chàng ngã quỵ. Chàng đã mất hết nghị lực, mất hết sự sống. Tứ chi chàng rời rã, chàng không thể đứng dậy được nữa. Một chân quỵ xuống cát, người sư đệ dịu dàng nâng

chàng ngồi dậy. Nét thiếu nảo và khổ đau còn in rõ trên khuôn mặt chàng.

- “Thôi, đại huynh vui lên. Chúng ta sẽ lại lên núi.”

Giọng nói của người sư đệ êm như một hơi gió thoảng, nhẹ như một tiếng thì thầm. Nhưng chàng lắc đầu thất vọng. Chàng không còn muốn sống. Đau khổ đã làm chàng thâm nảo và tâm hồn chàng vừa bị tàn phá tang thương như mặt đất sau cơn phong vũ điên cuồng. Chàng không còn dám có ý tưởng lên núi để nhìn mặt sư phụ.

Người sư đệ vuốt tóc chàng, an ủi:

“Thầy thương anh lắm. Không sao đâu, đại huynh sẽ ở mãi bên thầy (vỗ về). Đại huynh sẽ sống bên em như những ngày xưa êm đẹp cũ (khóc). Em không ngờ bao nhiêu năm dưới núi đã tàn hại anh đến thế.”

Và người ta thấy trên con đường mòn cheo leo lên núi, bóng người sư đệ lần từng bước đi chàng đứng sững lên động. Trời vẫn còn chưa sáng hẳn, bóng hai người in trên màn sương mỏng nhẹ

của núi rừng buổi sáng. Tia nắng đầu tiên soi rõ dáng điệu thiếu nã rời rã của chàng dũng sĩ bên cạnh dáng điệu dịu dàng từ hòa của người sư đệ.

Mặt trời đã nhô khỏi đỉnh núi xa.

TÙNG

Nhất Hạnh

Sau khi thỉnh được 107 tiếng đại hồng chung, chú Tâm Thế dùng cán vồ chuông khẽ điểm hai tiếng “keng keng” trên lưng chuông để báo hiệu cho sư huynh là Tâm Hiền rằng chỉ còn một tiếng đại hồng chung cuối cùng nữa là chuông “nhập”, và buổi công phu sáng bắt đầu. Đợi cho tiếng chuông thứ 107 ngân hết, chú mới thỉnh đến tiếng chuông thứ 108.

Từ góc thiền đường chùa Pháp Vân đã có tiếng bảng của chú Tâm Hiền. Chú Tâm Thế đáp lại ba tiếng bảng đầu bằng ba tiếng đại hồng chung và buông vồ xuống, trong khi ba hồi bảng của chú Tâm Hiền kéo dài. Đại chúng đã sẵn sàng trên chánh điện để bắt đầu công phu sáng.

Chú Tâm Thế khoác chiếc áo tơ lên vai cho

ấm rồi xuống thang lầu chuông, mở cửa đi ra ngoài. Sương mù còn dày đặc. Chú rảo bước về phía tam quan chùa, nơi vị khách tăng tá túc.

Vị khách tăng này tới chiều hôm qua nhưng không vào chùa, chỉ xin nghỉ chân lại ngoài tam quan. Chú Tâm Thế đã mời ông ta vào nghỉ ở hậu liêu nhưng ông từ chối. Ông ta chỉ xin chú một mảnh chiếu để ngủ lại ngoài tam quan, nói rằng sáng sớm khi sương mù tan, ông ta đã phải lên đường sớm. Chiếc áo nâu bạc màu của khách tăng dính đầy bụi đường. Tóc râu dài ra nhưng ông không cạo, mặt mũi tay chân ông đầy cái ghét, và từ người ông bay ra một mùi tanh hôi nồng nực. Chú Tâm Thế đã vào chùa bưng ra một chậu nước và một chiếc khăn tay. Rồi chú lại vào đem ra một chiếc chiếu trải trên nền tam quan. Đợi vị khách tăng rửa mặt rửa tay xong, chú bưng chậu nước vào, và một lát sau chú bưng ra một chiếc mâm gỗ, trên mâm có một bát cháo trắng, một ít dưa cải, một chén nước tương và một đôi đũa. Vị khách tăng cảm ơn chú và thông thả ngồi ăn cháo. Chú chấp tay

chào ông và khoan thai trở vào chùa. Độ một giờ sau, khi trở ra tam quan, chú thấy vị khách tăng đã nằm cuộn tròn trong chiếc chiếu ngủ. Chú cúi xuống bưng chiếc khay lên và nhẹ nhàng đi vào nhà bếp.

Sáng nay ra tới tam quan, chú thấy vị khách tăng đang yên lặng ngồi thiền. Ông không ngồi theo kiểu kiết già, chân phải của ông co gối lên, bàn chân đặt trên mặt đất. Minh mấy vị khách tăng hơi háms nhưng phong thái của ông thật thanh cao. Tuổi ông vào khoảng bốn mươi lăm, năm mươi. Nét mặt của ông sáng sủa, khả kính; tóc râu ông ra dài, có lẽ đã nhiều tháng chưa cạo. “Đây là một du tăng hành tung bí mật” chú Tâm Thế thầm nghĩ. Có lẽ ông ta không muốn làm phiền đại chúng chư tăng vì hình thức không chính đốn của ông, cho nên đã từ chối lời mời hôm qua của mình vào ngủ trong hậu liêu. Sáng nay nếu mình được nói chuyện với ông ta thì thế nào mình cũng biết được chút ít hành tung của ông. Nghĩ thế, chú định quay trở vào chùa để mang ra một thau nước ấm cho vị khách tăng rửa mặt.

Nhưng chú chưa kịp quay bước thì vị khách tăng đã mở mắt. Chú chấp hai tay lên ngực làm lễ. Vị khách tăng dang hắng một tiếng nhỏ rồi lên tiếng.

- Từ đây đến núi Cửu Lũng còn bao nhiêu đường đất nữa, thưa chú?

Chú lễ phép đáp:

- Bạch ngài, núi Cửu Lũng không còn xa, chừng nửa ngày đường thì tới. Để con vào lấy nước ấm ra Ngài rửa mặt.

Vị khách tăng khoác tay ra dấu không cần. Ông tựa vào tường, đứng dậy một cách mệt nhọc và đưa tay với lấy chiếc gậy trúc dựng ở góc tường.

- Cám ơn chú. Tôi phải đi ngay kẻo lỡ không tới kịp trước khi trời tối. Nói xong ông chống gậy khấp khểnh đi ra khỏi tam quan. Chú Tâm Thế theo sau lưng, định tiễn vị khách tăng xuống đồi, tận ngã ba đường núi. Nhưng ông ta khoác tay ra hiệu cho chú đi lui. Từng bước khấp khểnh, ông lần xuống đồi.

“Đi như thế thì nửa ngày đường không tới được núi Cửu Lũng.” Nghĩ như vậy, chú Tâm Thế

chất lười phàn nàn. “Đi xa mà cũng không có lấy một chiếc tay nải. Tóc tai áo quần đầy cả bụi đỏ. Mình mấy thí gây ồm đến trơ xương. Không biết đến núi Cửu Lũng để làm gì mà vội vàng đến thế.” Chú có nghe nói đến ngôi chùa hay ngọn tháp nào ở núi ấy đâu. Chính chú cũng chưa tới Cửu Lũng lần nào; chỉ nghe nói rằng ngọn núi ấy khá hoang vu và đỉnh núi cao ngất, lấp trong mây mù, ít khi thấy được đường nét một cách rõ rệt. Không biết tại sao trong lòng chú Tâm Thể nảy sinh một niềm kính mến đối với vị du tăng lạ kỳ kia. Dáng điệu và phong thái của ông ta có một cái gì khiến chú ưa muốn gần gũi và hiểu biết. Nhưng ông ta đã đi. Chú chép miệng:

- Vậy là mình không biết thêm gì hành tung của vị du tăng này cả. Chỉ biết có một điều là ông ta đang tìm tới núi Cửu Lũng.

Nghĩ như vậy, chú thông thả đi vào chùa, cùng các chú khác lo cháo sáng cho chư tăng, bởi vì buổi công phu khuya sắp kết thúc.

Vị du tăng đi rất chậm, bước cao bước thấp.

Ông có một mụn ghẻ trên bắp đùi trái, lớn bằng cả một quả bưởi. Mụn ghẻ làm ông đau nhức không cùng, nhưng ông chịu đựng không hề kêu la. Chỉ trong những giấc mơ thỉnh thoảng ông mới cất tiếng rên khe khẽ mà thôi. Nghe chú tiểu nói chỉ cần nửa ngày đường là tới núi Cửu Lũng, ông hy vọng có thể đi suốt ngày và tới được chân núi lúc trời tối. Nhưng mụn ghẻ hành ông đau nhức quá khiến hôm đó ông chỉ mới đi được hai phần ba đường. Ông phải nghỉ đêm dưới một gốc cây. Ông nhịn đói đã quen, bởi vì trong suốt sáu tháng trời du hành có nhiều hôm ông phải ngủ dưới một gốc cây và không có một hạt cơm nào bỏ bụng. Nếu trên đường đi mà gặp một ngôi chùa vào lúc trời tối thì ông xin tá túc lại, và khi nào cũng chỉ xin ngủ nhờ dưới mái tam quan. Thường thường ông được một chú tiểu như chú Tâm Thế mang một bát cháo hay một bát cơm nguội ra cúng dường. Chú tiểu hồi hôm thật chu đáo, đã đem cho ông một chậu nước ấm và một chiếc chiếu còn thơm mùi nắng. Tối nay ông ngủ, gối đầu trên một chiếc rễ cây. Khí hậu miền núi lạnh lẽo quá

khiến ông co ro, trần trọc cả đêm không hề an giấc.

Trời chưa sáng hẳn vị du tăng đã chỗi dậy để tiếp tục cuộc hành trình. Sức ông yếu quá, nhiều lúc ông té quỵ, tưởng không đứng dậy được nữa. Nhưng ông vẫn cố gắng. Đi được vài trăm bước, ông dừng lại ngồi nghỉ trên một tảng đá. Vừa mới lấy lại được hơi thở, ông lại chống gậy đi. Cứ như thế cho đến lúc khoảng cuối giờ thân hôm ấy thì ông đến được chân núi Cửu Lũng.

Nhìn quanh, vị du tăng không thấy dấu vết nào của dân cư, làng mạc. Không một làn khói lam nào bay lên để chứng tỏ rằng đằng xa kia có một nhà tiều phu đang thổi lửa nấu cơm chiều. Không thấy đường nét ngọn núi Cửu Lũng, vì rừng núi phía trên đã bị sương mù bao phủ. Làm sao mà tìm kiếm được thảo am của người ông muốn gặp, trong khi núi đồi thì bao la mà sương mù thì dày đặc?

“Người xưa ở tại núi này

Mây mù che lấp biết rày tìm đâu?” (1)

Vị du tăng đành ngồi xuống nghỉ trên một

tàng đá. Sáu tháng trời lặn lội mới lết tới được chân núi Cửu Lũng. Sương mù dày đặc quá, rừng núi bao la quá, xứ sở quanh hiu quá, biết làm sao tìm hỏi được nơi cư trú của người xưa?

Người xưa vốn là một vị tăng người Ấn Độ tên là Kaniska. Cách đây mười sáu năm, vị du tăng, tên là Tri Huyền - đã gặp Kaniska tại một ngôi chùa cổ ở kinh đô Trường An nơi ông tu học. Vị tăng người An khi ghé chùa thì đã bị ghẻ lở đầy người, hôi hám khó chịu, ai cũng lẩn tránh. Chỉ có Tri Huyền chịu khó thân cận và chăm sóc cho người. Sáng nào thầy Tri Huyền cũng bưng một chậu nước nóng tới phòng của Kaniska. Thầy bỏ một nắm muối biển vào chậu nước, hòa muối cho tan và bắt đầu cởi áo của ông thầy tu gốc Ấn và rửa ráy cho ông. Công việc rửa ráy xong xuôi, thầy lấy y sạch mặc cho Kaniska và đem chiếc y mới thay đầy máu mủ hôi hám đi giặt và đem phơi. Buổi trưa, Tri Huyền lại mang cơm tới cho Kaniska và buổi chiều thầy lại tới mang trà nóng đến, rồi cất dẹp khay bát của buổi ăn trưa. Chúng

bệnh của Kaniska không thấy thuyên giảm, nhưng sự chăm sóc của Tri Huyền đã làm nhẹ bớt sự đau khổ của người bệnh. Suốt trong hai năm trời, Tri Huyền săn sóc cho Kaniska như săn sóc cho một người anh ruột, không có hôm nào thầy bỏ quên hoặc làm sơ sót. Đối với công việc chấp tác và tu học tại chùa, Tri Huyền không ngày nào là không làm tròn bốn phận, vì vậy không ai có thể trách cứ thầy là chỉ biết lo cho ông thầy tu Ấn Độ mà quên lãng trách nhiệm mình.

Nhưng một buổi sáng, sau khi được rửa ghê và thay áo, ông thầy tu Ấn Độ nói với Tri Huyền, giọng nhỏ nhẹ:

- Mấy năm nay thầy săn sóc cho tôi rất tận tụy, tôi rất cảm ơn thầy. Bắt đầu từ ngày mai, thầy không cần săn sóc cho tôi nữa, vì chiều nay tôi sẽ rời khỏi chốn này. Tri Huyền sững sốt:

- Ngài đi đâu? Đau yếu thế này thì lấy ai săn sóc cho ngài?

Kaniska nhìn thầy với vẻ mặt dịu hiền. Ông chậm rãi:

- Tôi có việc cần phải lên đường. Xin thầy Tri Huyền đừng lo. Ở đâu cũng có pháp lữ, thế nào rồi cũng có người lo lắng cho tôi.

Thấy Tri Huyền nét mặt đượm buồn, ông tiếp:

- Nhân duyên giữa chúng mình vẫn còn, chưa hết đâu mà buồn. Thế nào chúng ta cũng lại gặp nhau. Tôi biết thầy là người thông tuệ, sự tu học của thầy sẽ thành công lớn. Rồi đây thầy sẽ trở thành một vị cao tăng, tiếng tăm lừng lẫy. Tôi xin phép nhắc với thầy rằng mục đích của sự tu hành là để đạt tới giải thoát chứ không phải là để nổi tiếng. Tình thâm giao giữa chúng ta khiến cho tôi không ngần ngại mà nhắn nhủ với thầy như vậy.

Tri Huyền cúi đầu nhận lấy những lời chỉ giáo của Kaniska. Thầy lại hỏi:

- Ngài có nói là trong tương lai chúng ta sẽ gặp nhau. Vậy thì bao giờ chúng ta gặp nhau, và gặp nhau ở chốn nào? Tôi chỉ sợ sau này trên bước đường hành hóa, Ngài không còn lưu lại một dấu vết...

- Đã có nhân duyên với nhau thì dù có trốn nhau cũng vẫn gặp nhau. Đừng lo. Nội trong kiếp này thầy sẽ đạt được những bước lớn trên đường sự nghiệp. Tuy vậy tức như vẫn còn vương vịu và trong khoảng mười bốn mười lăm năm nữa thế nào thầy cũng bị tai nạn. Lúc ấy hãy nhớ mà tìm đến tôi, tôi sẽ giúp thầy.

- Nhưng lúc đó thì biết Ngài ở đâu mà tìm?
Tri Huyền hỏi. Đưa tiễn Tri Huyền ra khỏi phòng, vị tăng sĩ gốc Ấn nói:

- Cứ tìm đến núi Cửu Lũng ở Bành Thành, đất Tây Thục là có tôi ở đấy. Từ dưới chân núi nhìn lên thấy chỗ nào có hai cây tùng vươn lên cao ngất thì đó là nơi tôi ở. Thầy nhớ lấy tên núi nhé, Cửu Lũng Sơn ở đất Thục.

Thế rồi vị tăng sĩ Ấn đã ra đi và từ đó thầy Tri Huyền không còn nghe ai nhắc đến tên người.

Thời gian qua mau, Tri Huyền dần dần nổi tiếng là bác thông kinh sử, mỗi khi thầy đăng đàn thuyết pháp là hàng ngàn người đến dự. Đất Thần Kinh thiếu gì cao tăng, nhưng tiếng tăm

pháp sư Tri Huyền lừng lẫy cho đến nỗi một ngày kia vua Ý Tông cũng phải lưu tâm để ý. Năm ấy nhằm tiết Phật Đản, vua triệu pháp sư Tri Huyền vào cung thuyết pháp cho hoàng thái hậu, hoàng hậu, các thái tử, công chúa và văn võ bách quan nghe. Trên pháp tọa, pháp sư Tri Huyền tướng mạo đoan nghiêm, đẹp như một vị Phật sống; tiếng nói của người sang sảng lời cuốn thính giả đi vào thế giới của diệu pháp một cách say mê. Vua Ý Tông rất đẹp lòng, truyền ban tặng cho pháp sư một áo cà sa màu tía. Từ đó danh tiếng của Tri Huyền càng thêm lừng lẫy. Lúc ấy ông đã được bốn mươi ba tuổi. Sau nhiều lần triệu thỉnh pháp sư Tri Huyền vào cung thuyết pháp, vua Ý Tông lạy tôn ông làm quốc sư và tứ cho Tri Huyền danh hiệu Ngô Đạt, sửa soạn chùa An Quốc ở sát hoàng cung cho mỹ lệ và rước quốc sư Ngô Đạt về trú trí tại đó để tiện việc lui tới thăm hỏi đạo mẫu.

Danh tiếng của pháp sư Tri Huyền tức quốc sư Ngô Đạt lên tới đỉnh cao nhất là vào mùa thu năm quốc sư vừa đúng bốn mươi lăm tuổi, khi vua Ý

Tông ban sắc chỉ cho toàn quốc chọn người tới kinh đô để nghe Ngô Đạt Quốc Sư giảng kinh Pháp Hoa. Năm ngàn chỗ ngồi được để dành cho hoàng gia và bách quan, khách tăng, và sĩ phu toàn quốc. Dân chúng ở kinh đô nô nức đến nghe quốc sư giảng kinh, người nghe pháp đứng chật cả hàng trong hàng ngoài. Hàng chục ngàn người im lặng nghe tiếng giảng kinh sang sảng của quốc sư. Các buổi giảng kinh Pháp Hoa được kéo dài trong một tháng, và trong suốt thời gian ấy, vua Ý Tông không bỏ sót một buổi nào.

Hôm đó là ngày bế mạc khóa giảng Pháp Hoa. Nhân dịp này, vua Ý Tông định làm lễ dâng lên quốc sư một pháp tọa bằng gỗ trầm hương để pháp sư ngồi giảng buổi giảng cuối cùng. Pháp tọa đặt rất cao để cho đại chúng mấy mươi ngàn người được chiêm ngưỡng dung mạo của quốc sư. Hôm ấy nghi lễ thỉnh sư được cử hành thật long trọng. Sau khi làm lễ dâng pháp tọa trầm hương, vua Ý Tông đứng dậy cùng thỉnh quốc sư bước lên pháp tọa thì quần chúng Phật tử đều quỳ xuống làm lễ, có

người cảm động đến rơi lệ. Buổi giảng kinh đó là một buổi giảng kinh mà suốt đời Ngô Đạt sẽ không quên được. Buổi giảng kinh đó đã đánh dấu một biến chuyển lớn lao trong đời tu hành của Thích Tri Huyền

Ngồi trên một tảng đá dưới chân núi Cửu Lũng, vị du tăng nhớ lại lúc mình bước lên vào pháp tọa trầm hương, trong khi hàng chục ngàn người cúi rạp mình làm lễ, trong đó có vua Đường Ý Tông. Thấy mình là người tu hành mà đạt đến một địa vị cao tột trong nhân gian như thế, Ngô Đạt trong một giây phút ngắn ngủi bỗng thấy một niềm tự hào dâng lên trong lòng. Quốc sư *biết* là tà niệm đã khơi, mặt đỏ bừng, liền ngồi xuống pháp tọa và nhiếp mình vào chánh niệm. Nhưng chậm mất rồi. Bỗng dưng, trong khoảng không có một vật gì nhỏ bé, nhỏ bằng một hạt cát, sáng trưng, bay xẹt xuống, trúng vào bắp đùi bên trái của quốc sư làm đau nhói tới xương tủy. Không chịu đựng nổi sự đau đớn tột cùng ấy, Ngô Đạt buột la lên một tiếng, hai tay ôm lấy bắp đùi bên trái.

Vua Ý Tông lật đật đứng dậy, hô thị vệ diu quốc sư xuống pháp tọa. Buổi giảng kinh cuối cùng như vậy là bị bãi bỏ, quốc sư hình như đã bị một loài rết độc cắn nhằm bắp đùi, đang lên cơn sốt.

Ngộ Đạt biết mình không hề bị rết cắn, cái hạt bụi sáng loáng ấy đã từ trên không gian bay xuống nhanh như một làn chớp, không làm thủng áo cà sa mà lại chui thẳng vào bắp đùi của mình. Song ông im lặng không nói, mặc cho các quan ngự y giải thích. Bắt đầu từ đấy vết thương trên bắp chân quốc sư làm độc. Vết thương sưng tím căng phồng lên như một trái bưởi, đau nhức không cùng. Mười ngày sau ung nhọt khổng lồ nứt nẻ ra thành một mọt ghẻ lớn, máu mủ chảy ra hàng bát, mỗi ngày nhiều bần. Thuốc thang trong uống ngoài thoa do các ngự y đưa tới có tới hàng ngàn thứ mà không thứ nào chữa trị được cho quốc sư. Vua Ý Tông không ngớt ra vào thăm hỏi và ra lệnh triệu thêm thầy hay, tìm thêm thuốc giỏi đem về kinh chữa trị cho vị cao tăng của cả triều đình. Nhưng một năm trời đã qua đi mà ung nhọt kia vẫn không

xẹp. Thân thể quốc sư gầy ốm trông thấy và một lần nọ ngự giá đến chùa An Quốc thăm, vua Ý Tông đã thấy một giọt nước mắt long lanh trên mi quốc sư.

Vào một buổi khuya sau khi đã trần trọc hàng canh trên giường, quốc sư Ngô Đạt quyết định bỏ chùa An Quốc ra đi. Một năm trời nằm trong ngôi quốc tự để cho bao người phục vụ và hầu hạ, không làm nên được tích sự gì cho quốc gia, Ngô Đạt cảm thấy trong lòng bất an và hổ thẹn. Đỉnh danh vọng đã lên cao chót vót, hồi tui nhục bây giờ cũng đã xuống đến nơi thăm thẳm sâu. Quốc sư bỏ chùa lên ra đi ngay trong buổi khuya đêm ấy, trên thân hình chỉ có một chiếc áo tràng và trên tay một chiếc tích trượng vua ban. Bắp chân đau nhức, nhưng quốc sư đã gắng đi suốt đêm. Ra khỏi kinh đô thì trời vừa hé sáng. Thấy một khúc tre ai bỏ bên đường, quốc sư cúi xuống nhặt lên làm gậy chống đi, và khi qua cầu, ông đã ném chiếc tích trượng vua ban xuống dòng sông chảy xiết. Tích trượng trôi trở về kinh đô, còn quốc sư thì hướng về phía

núi xanh cất bước.

Trưa hôm ấy đi ngang một cảnh chợ quê, quốc sư được một người đàn bà dâng cúng hai trái chuối và một gói xôi. Sợ ăn xôi thì mụn ghẻ càng thêm mủ nên quốc sư từ chối gói xôi, chỉ nhận hai trái chuối. Ngồi trên một mô đất, quốc sư lấy bùn đất trát vào mặt cho lem luốc kéo sợ có người nhận diện được mình. Chưa biết sẽ đi về đâu thì bỗng nhiên trong trí quốc sư hình ảnh Kaniska, vị du tăng Ấn Độ hiện đến như một tia chớp giạt. Quốc sư nhớ lại những điều căn dặn của vị tăng sĩ gốc Ấn: “trong vòng mười bốn hay mười lăm năm nữa, thế nào thầy cũng bị tai nạn. Lúc ấy hãy tìm đến tôi, tôi sẽ giúp thầy...” “cứ tìm đến núi Cửu Lũng ở Bành Thành đất Tây Thục...” Lập tức quốc sư chống gậy đứng dậy và hỏi đường về đất Thục.

Ngày đi đêm nghỉ, quốc sư quyết tìm đến núi Cửu Lũng, dù mụn ghẻ hành hạ không thôi. Máu mủ làm ướt súng ống quần, nhưng quốc sư không có quần khác để thay. Máu mủ đã làm cho ống quần của Quốc Sư dày cộm như mo và một mùi

tanh hôi xông lên nồng nặc, nhưng quốc sư vẫn cố gắng chịu đựng. Chiếc áo tràng cũng dính đầy máu mù, cả vạt trước lẫn vạt sau. Chiếc áo tràng sau nhiều tháng du hành đã trở nên bạc thếp và dính đầy bụi đường. Mỗi buổi chiều, lúc nghỉ chân trên một rễ cây hay một tảng đá, quốc sư thường vén ống quần nhìn vào mọt ghẻ. Mọt ghẻ vẫn lớn như một trái bưởi to, có bốn lỗ đỏ choét: hai lỗ phía dưới gần đầu gối giống như một cặp mắt, lỗ giữa giống một cái mũi và lỗ phía trên bấp chân loét ra như một cái miệng. Quốc sư nhìn mọt ghẻ như nhìn vào một mặt người. Quốc sư đối diện với mọt ghẻ như đối diện với một khuôn mặt con người. Có khi mọt ghẻ như muốn trợn mắt nhắm môi đe dọa quốc sư. Mọt ghẻ nhìn quốc sư như một kẻ thù, và quốc sư nhìn mọt ghẻ như một khuôn mặt oan gia, đau xót thì có nhưng oán hận thì không. Quốc sư không nghĩ đến chuyện lấy nước dưới sông rửa cho mọt ghẻ. Trong một năm trời, người ta đã rửa mọt ghẻ bằng đủ thứ thuốc, mà mọt ghẻ có vi thể mà xẹp hơn hoặc sạch hơn được chút nào đâu ?

Trên đường tìm đến xứ Thục, đã nhiều lần quốc sư được nghỉ ngơi ban đêm trước những mái tam quan, nhưng không ai nhận ra được quốc sư, bởi vì nhan sắc của quốc sư tiêu tụy, áo quần của quốc sư thốc thếch, hôi hám... Ngày hôm kia, một chú tiểu chùa Pháp Vân đã sẵn sóc cho quốc sư một cách ân cần, cảm động. Chú đã đem nước nóng cho quốc sư rửa mặt và cháo trắng cho quốc sư lót dạ. Bây giờ quốc sư đã tới được chân núi Cửu Lũng.

Vị du tăng, chính là quốc sư Ngô Đạt - giật mình. Có tiếng suối róc rách đâu đây. Bỗng nhiên lời dặn của Kaniska lại vang lên trong trí tưởng: “Từ dưới chân núi nhìn lên, thấy chỗ nào có hai cây tùng vươn lên cao ngất, thì đó là nơi tôi ở...” Ngô Đạt đưa mắt nhìn lên. Lạ chưa, chót vót bên phía trái, mây mù đã loãng dần và hình ảnh của hai cây tùng hùng vĩ lộ ra, vươn thẳng dậy, ngọn tùng vẫn còn khuất trong mây. Đích đó là nơi hẹn! Ngô Đạt cầm lấy chiếc gậy trúc, từng bước, từng bước, ông tìm thế leo lên phía núi có dáng song tùng.

Sau một thời gian vừa lết vừa trèo, Ngô Đạt

thấy thấp thoáng sau cành lá xanh rờn cung vàng điện ngọc của một ngôi phàm vũ trang nghiêm. Có tiếng chuông gió thanh tao như tiếng gió lay động cây thất bảo mô tả trong kinh Vô Lượng Thọ. Có tiếng chim lạ, hoặc chính là tiếng Ca Lăng Tần Già. Lên tới tam quan chùa, Ngô Đạt gặp một chú tiểu. Hỏi thì biết đây đích thực là phàm vũ nơi cư trú của tôn giả Kaniska. Chú tiểu vào thông báo và tôn giả Kaniska thân hành ra cổng nghênh tiếp. Kaniska rạng rỡ như một vị bồ tát khiến quốc sư Ngô Đạt sụp xuống lạy. Tôn giả đỡ quốc sư dậy, và điu quốc sư vào khách đường.

Sau một tuần trà mà hương thơm làm cho tỉnh táo cả giấc mộng mười lăm năm trường, Kaniska hỏi thăm về cận sự. Quốc sư Ngô Đạt tuy đã bốn mươi sáu, vẫn còn thấy tử thân như một đứa bé con, khi nghe người tri kỷ hỏi đến thân phận mình. Quốc sư kể lại cuộc đời mười mấy năm của mình với thật nhiều chi tiết. Tôn giả lắng tai nghe rất chăm chú, không hề ngắt lời bạn, thỉnh thoảng lại thở dài, tỏ ý thương xót. Nghe xong, tôn giả xin

xem mụn ghẻ. Ngô Đạt đứng dậy vén ống quần cho bạn xem. Mụn ghẻ như trùng mắt nhìn cả hai người. Tôn giả gật đầu bảo quốc sư buông ống quần xuống, rồi nói:

- Không sao, dưới chân núi có một dòng suối tên là *Giải Oan Tuyền*, có thần lực chữa được bệnh này. Tri kỷ ngủ lại đây; sáng mai chúng ta xuống suối, tôi sẽ vốc nước suối rửa cho tri kỷ. Mụn ghẻ sẽ lành. Không có gì đáng ngại. Chỉ cần vốc nước rửa hai lần là bệnh của tri kỷ sẽ lành hẳn.

Nói xong tôn giả đi vào. Lát sau tự tay mang ra một chậu nước ấm, một chiếc khăn và một nắm muối, cười và nói:

- Tri kỷ đã từng rửa ghẻ cho tôi suốt hai năm trời, bây giờ, trước khi tri kỷ được nhờ nước suối giải oan lành bệnh, tôi xin phép được rửa ghẻ cho người lần cuối cùng.

Ngô Đạt toan mở lời từ chối, nhưng ngược nhìn cố nhân, ông biết không thể nào ngăn được, bèn im lặng đưa chân cho tôn giả rửa. Một chân quỳ xuống, một chân dẫm trên đất, tôn giả nghiêng

người cần trọng rửa mặt ghê cho Ngô Đạt. Bàn tay của tôn giả đi tới đâu thì thịt da Ngô Đạt êm dịu tới đó. Chỉ có nước muối và một cái khăn thôi mà tôn giả đã làm dịu đi bao nhiêu đau đớn của sáu tháng đường trường. Vị quốc sư trẻ nhìn bạn rửa ghê cho mình một cách kính cẩn mà không biết mắt mình đã nhòe lệ. Kaniska rửa xong mặt ghê thì bung chậu nước vào. Lát sau ông mang ra một chậu nước khác và một tấm khăn khác. Ông cởi áo cho Ngô Đạt và lau tắm cho quốc sư. Rồi ông lại lau tắm cả phần dưới thân hình Ngô Đạt. Không dám lên tiếng cản ngăn, quốc sư Ngô Đạt phải để cho bạn tắm rửa từ trên xuống dưới, ngoan ngoãn như một chú bé. Lau tắm xong, tôn giả vào lấy ra cho Ngô Đạt một bộ quần áo sạch của chính mình, và khởi sự mặc vào người cho bạn. Bộ quần áo nhẹ, thơm ngát trầm hương.

Tối hôm ấy, Ngô Đạt được ăn cháo trắng do tôn giả Kaniska tự tay nấu lấy mời bạn. Ăn xong, ông được tôn giả đưa vào một liêu phòng có giường chiếu sạch sẽ thơm tho. Tôn giả chúc ông yên giấc

và hẹn ngày mai, sau khi uống trà, sẽ cùng nhau xuống suối.

Buổi khuya, khi tiếng chuông chùa đầu tiên ngân lên thì Ngô Đạt thấy mình không còn chờ đợi được nữa. Cả đêm mọt ghẻ lại hành hạ ông đau nhức như chưa bao giờ ông biết đau nhức là gì. Đợi cho đến sáng thì lâu quá. Quốc sư bèn quyết định mở cửa xuống núi một mình. “Chiều qua ta có nghe tiếng suối róc rách khi ngồi nghỉ dưới chân núi” quốc sư thầm nghĩ. Trời còn đầy sương nhưng Ngô Đạt vẫn tìm thấy được con đường mòn đi xuống núi. Đi một hồi lâu thì ông lại nghe được tiếng suối róc rách. Sau đó ông đã tìm tới bờ suối.

Quỳ trên một tảng đá, ông xắn ống quần bên trái cho mọt ghẻ lộ ra. Ông thờ những hơi thở thật dài, thật nhẹ và nhiếp tâm quán niệm. Đây là giống Giải Oan Tuyền mà nước có thần lực chữa được chứng bệnh của mình. Ông tin tưởng nơi lời nói của tôn giả Kaniska. Ông niệm Phật rồi cúi xuống vốc nước trong lòng hai bàn tay để phủ xuống mọt ghẻ mặt người. Nước suối té cóng hai

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

tay. Run run, ông làm chảy đổ hết một nửa vốc nước ra ngoài, chỉ còn có một ít nước phả trúng vào mụt ghè. Nhưng từng ấy nước phả vào mụt ghè cũng đủ làm đau nhức đến xương tủy, khiến ông ngã ra bất tỉnh trên bờ suối. Trong cơn mê ông thấy một khuôn mặt đỏ tía, râu ria dựng ngược, khuôn mặt nhìn thẳng vào ông hỏi:

- Người là người học nhiều, hiểu rộng, vậy đã từng đọc sách Tây Hán Thư chưa?

Ngộ Đạt quá đỗi ngạc nhiên, nhưng vẫn gật đầu đáp:

- Tôi có đọc.

- Có đọc Tây Hán Thư chắc người còn nhớ vụ án Viên Án và Triệu Thố chứ? Viên Án dèm pha thế nào mà khiến cho Triệu Thố phải bị chém ngang hông ở chợ Đông; người có biết không? Chao ôi! Oan ức biết chừng nào. Người có biết kiếp trước chính người là Viên Án và ta chính là Triệu Thố hay không? Ta bị người giết oan, nên đời đời ta tìm người để báo oán. Tuy nhiên trong mười kiếp liên tiếp, người làm cao tăng, giới luật nghiêm tinh, do

đó ta không thể nào tìm được cơ hội trả thù. Nhân trong kiếp này người được hưởng sự đãi ngộ của vua mà sinh tâm kiêu xa hao tổn đến âm đức, cho nên ta mới có cơ xen vào làm hại người được. Chính ta là mọt ghẻ của người. Chính ta là oan gia của người đó.

Quốc sư nhìn kỹ mặt người đối diện, kinh hải, toàn thân toát mồ hôi hột. Ông định mở miệng lên tiếng nói một điều gì, nhưng cuối cùng không tìm ra được một lời nào cho nên lại thôi. Ông thấy khuôn mặt đối diện đỏ tím kia bỗng nhiên dịu lại. Người ấy nói giọng hòa dịu hơn trước:

- Thôi người khỏi cần nói năng gì cả. Trong bao nhiêu kiếp, ta đã đau khổ vì mối oan cừu, và chính mối oan cừu đó đã chìm mãi ta vào cõi u minh dày đặc. Nay nhờ có tôn giả Kaniska đem nước tam muội từ bi mà rửa cho ta, mối oan cừu này từ đây sẽ được cởi bỏ. Ta sẽ không còn theo người để mà báo oán nữa. Phần người nhờ có phước báo lớn, cho nên người mới gặp được tôn giả Kaniska, được tôn giả đưa tới suối giải oan này mà rửa sạch nghiệp

xưa. Thôi từ nay về sau giữa chúng ta không còn ai nợ ai nữa nhé. Hãy vốc nước lên mà rửa thêm một lần thứ hai nữa, mau lên!

Ngộ Đạt bừng tỉnh choàng dậy. Ông lại quỳ xuống trên tảng đá bờ suối, cúi xuống vốc đầy nước suối trong hai tay, phả vào mặt mặt ghẻ. Lần này, cả vốc nước đầy được phả tràn vào mặt ghẻ, gây đau nhức gấp bội lần trước. Đau thấu cả tim can, ông lại ngã ra bất tỉnh lần nữa trên bờ suối. Nhưng trong cơn mê lần này Ngộ Đạt không thấy khuôn mặt đỏ tía kia nữa. Ông cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng, an ổn. Ông mơ thấy mình đang đi trong một khu rừng rậm, thoăn thoắt nhảy qua các mô đất và các bụi rậm một cách nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như có cánh bay, nhẹ nhàng như một con bướm liệng trên đám cỏ. Ông thấy ông là một đứa trẻ đang chạy chơi trên cánh đồng mùa xuân, hoa tím hoa vàng nở đầy trên cỏ biếc. Ông thấy ông bơi ngựa trên một dòng sông hai mắt theo dõi mây trời xanh ngắt. Ông thấy ông là một đứa trẻ mặc áo mùa xuân, chạy chơi trên một khu đồi tuyết phủ. Trời lạnh, ông

chạy vào nhà, đưa hai tay sưởi ấm trên ngọn lửa hồng, bên phải là bà ngoại ông đang khâu vá, bên trái là mẫu thân ông đang nhìn ông âu yếm. Lửa ấm quá, ông không còn có ý muốn chạy ra ngoài trời lạnh nữa. Bỗng tiếng vượn kêu gần đấy làm ông giật mình thức dậy. Nhìn quanh, ông thấy mình đang nằm bên bờ suối, tiếng chim chóc ca hát vang cả núi rừng. Năng đã lên tự bao giờ đang sưởi ấm mọi vật. Ngộ Đạt cảm thấy ấm áp, nhẹ nhàng, khoan khoái. Ông choàng dậy, vạch quần nhìn xuống bắp chân. Mụn ghẻ đã héo mặt, bắt đầu đâm da non. Mụn ghẻ đã lành.

Ngộ Đạt đứng dậy. Ông cảm thấy người đầy sinh lực, không cần cây gậy trúc nữa. Ông nhìn quanh tìm con đường mòn để trở lên chùa tạ ơn tôn giả Ca Nặc Ca. Nhưng nhìn kỹ, ông chẳng thấy có con đường mòn nào cả. Lạ quá, chính mình sáng nay đã từ con đường ấy tìm xuống bờ suối đây mà. Nhưng quả thực là không có đường mòn nào cả. Xung quanh ông chỉ toàn là bụi cây và tảng đá. Ngộ Đạt nhận ra một tảng đá quen thuộc không xa chỗ

minh đang đứng. Đó là tảng đá mà trên đó chiều qua khi tới chân núi ông đã ngồi nghỉ. Ông ngược nhìn lên núi. Mặt trời ấm áp đã xua hết sương mù. Nhưng cung vàng điện ngọc của ngôi pháp vũ ở đâu, ông đưa mắt tìm mãi mà không thấy. Hai cây tùng vươn cao đột lấp trong mây mà hôm qua ông đã thấy rõ ràng, bây giờ cũng không còn dấu vết. Tất cả những gì ông đã thấy đã sống suốt một đêm qua bây giờ đã tan biến như một giấc mộng. Ông ngồi xuống trên một tảng đá, hồi tưởng lại những diễn biến của sự việc chiều qua, từ lúc nhận ra sự có mặt của hai cây tùng, cho đến lúc tìm ra ngôi phạm vũ, gặp mặt chú tiểu đồng và hội ngộ với tôn giả ca nặc ca. Rồi đến tuần trà, rồi đến mình được tôn giả rửa ghè, cho mặc một bộ áo quần nhẹ, sạch, ngát hương trầm. Ngộ Đạt nhìn lại bộ áo quần mình đang mặc. Đó vẫn là bộ áo quần mang theo sáu tháng nay từ chùa An Quốc. Ngộ Đạt thờ dài, biết mối duyên kỳ ngộ tới đây đã mãn. Hương về đỉnh Cửu Lũng, ông nghiêng mình cung kính làm lễ tôn giả Kaniska ba lần, lòng thốn thức và

tràn đầy tiếc nuối.

*

* *

Viện chủ Pháp Vân Tự là Thích Tâm Thế cùng với hai vị đệ tử tìm đến Thiên Tự Chí Đức vào một buổi trưa nắng đẹp. Chùa Chí Đức là một thảo am nhỏ ở chân núi Cửu Lũng, nhưng phong cảnh rất tú lệ. Chủ nhân là một vị tăng sĩ điềm đạm, tuổi trên bốn mươi, pháp hiệu là Tín Cổ, ra đón ba thầy trò chùa Pháp Vân tận ngoài cây cầu gỗ bắc qua dòng suối. Những cây tùng mà vị trú trì Chí Đức trồng quanh am thuộc loại những cây tùng không rậm rạp nhưng thân cây vươn cao, thẳng tắp. Cây nào cây ấy đã lên tới mấy mươi thước, xanh tươi, hùng vĩ. Từ lâu viện chủ Thích Tâm Thế đã nghe nói có một am mây tại núi Cửu Lũng vốn không xa thiên viện Pháp Vân và mong có dịp đến viếng ngọn núi danh tiếng, nhưng mãi đến bây giờ nguyện ước mới thành tựu. Nay được

đặt chân tới chốn phong cảnh kỳ tú này, ông cảm thấy rất hài lòng. Ông đưa mắt nhìn ngọn núi hùng vĩ, đỉnh lấp trong sương mù; ngắm những thân tùng vươn thẳng lên không gian, nhìn ngôi am tự duyên dáng nép sau cành lá và gặt đầu tán thương.

Ngôi khách chủ vừa phân, thì trà được tiểu đồng mang lên. Tuần trà chưa cạn, khách nhận thấy trên án thư một cuốn kinh đang được chủ nhân chép dở nửa chừng. Nét bút linh hoạt. Viện chủ Tâm Thế xin phép cầm lên xem thì thấy ngoài bìa kinh có năm chữ: *Từ Bi Thủy Sát Pháp*. Người đặt kinh xuống toan hỏi thì trú trí bản am đã nói:

- Đây là một thứ nghi thức sám hối mà thầy tôi biên soạn. Sát pháp này chưa được lưu hành trong nhân gian, bởi lẽ đây là bản chép đầu tiên.

Viện chủ Tâm Thế hỏi, mắt không rời cuốn kinh:

- Có phải lệnh sư là người khai sơn chùa Chí Đức? Chẳng hay danh hiệu của người là gì, đại đức có thể cho chúng tôi biết được không?

Trú trí Tín Cổ nhỏ nhẹ:

- Vâng, chùa Chí Đức là do thầy tôi khai sơn. Thầy tôi tới dựng am tại đây để an cư tu hành vào khoảng bốn mươi năm về trước. Trong thời gian thầy còn tại thế, am này không có danh hiệu. Chỉ sau khi thầy tôi viên tịch, cảm ân đức sâu dày của thầy, tôi mới đặt tên thảo am này là Chí Đức Thiên Tự. Ngày thầy tôi tới đây, quanh miền chưa có nhà cửa xóm làng chi hết. Nhiều năm sau khi thầy tôi dựng am mới có mấy gia đình tiểu phu tới chân núi này lập nghiệp.

Viện chủ Pháp Vân hỏi thêm:

- Ngày lệnh sư đến đây khai sơn lập am, chắc đại đức cũng đã tới một lần với người?

Trú trì Tín Cổ lắc đầu:

- Không, thầy tôi tới núi Cửu Lũng một mình. Tôi là con trai của một người tiểu phu đến lập nghiệp tại chân núi này, có duyên may được thầy tôi thu nhận làm đệ tử, hồi tôi mới có bảy tuổi, không biết chữ nghĩa gì hết. Tất cả chữ nghĩa và Phật pháp của tôi là hoàn toàn do thầy tôi truyền dạy. Thầy tôi khen tôi viết chữ tốt nhưng

tôi thấy chữ của thầy tôi mới thật là chữ có thần.

Nói xong, trú trì Tín Cổ nhắc một tập sách trên án thư trao cho Viện Chủ Pháp Vân. Đỡ lấy tập sách, viện chủ Pháp Vân nhận ra đó là bản chính của Từ Bi Thủy Sám Pháp. Hẳn đây là bản chính do tự tay soạn giả viết ra. Viện chủ Pháp Vân thấy nét chữ tung hoành diễm lệ như một đoàn phụng hoàng đang bay múa. Ông tắc lưỡi buột lời khen:

- Chữ viết đẹp thật, đẹp thật.

Rồi ngừng lên, ông hỏi trú trì Tín Cổ:

- Tôi tin Sám Pháp này là một sáng tác rất quý báu. Tại sao đại đức không nêu cao danh của lệnh sư vào trang đầu để lưu truyền hậu thế?

Trú trì Tín cổ chậm rãi nói:

- Thầy tôi không muốn ghi tên mình trên sách. Đã ẩn tích mai danh, không muốn cho người đời này biết đến thì còn ghi tên mình lại cho người đời sau biết để làm gì?

Im lặng một lát, rồi vị trú trì chùa Chí Đức nói trầm ngâm:

- Ngày thầy tôi mới đến đây, cảnh trí xung

quanh thật là hoang vu. Chính thầy tôi tự tay lập am, khai phá, trồng khoai, tía đậu và gieo lúa ... Từ thuở nhỏ, thầy tôi đâu có biết làm những việc đó. Ngày mới đến ngồi bên bờ suối, bắp chân đau nhức, thầy tôi kiệt lực, tưởng không còn sống được...

Trong khi vị trú trí chùa Chí Đức nói thì hình bóng vị du tăng bốn mươi năm về trước từ từ hiện rõ trong ký ức của vị viện chủ chùa Pháp Vân. Phải, hồi đó viện chủ là chú tiểu Tâm Thế, mới mười sáu tuổi. Nét mặt đoan nghiêm ấy, phong thái uy nghi ấy, chiếc áo bạc màu ấy và cái mùi tanh tươi ấy... Thì ra vị du tăng ngủ dưới mái tam quan năm xưa chính là người đã khai sơn chùa Chí Đức này. Viện chủ Pháp Vân đứng dậy chấp tay thành kính nói:

- Bạch đại đức, lệnh sư đã từng ghé thiêm tự và tá túc một đêm, cách đây bốn mươi năm về trước. Chính bản tăng đã được hân hạnh múc nước cho người rửa mặt và dâng cháo cho người đỡ dạ. Đối với Chí Đức, Pháp Vân tuy cách nửa ngày

đường nhưng là ngôi chùa gần gũi nhất, do đó chúng ta còn có nhiều dịp qua lại cùng nhau. Xin đại đức niệm tình xưa mà cho bản đạo biết cao danh của lệnh sư, người mà bản đạo đã đem lòng quý mến từ ngày gặp gỡ.

Thấy dáng điệu viện chủ Pháp Vân trang trọng và khẩn thiết, trú trì Tín Cổ vội đứng dậy chấp tay thi lễ, đáp:

- Xin Viện Chủ an tọa, đừng lễ nghi quá mà chúng tôi thất đức, tội nghiệp. Chúng tôi sẽ không dám dấu diếm ngài. Trời đã chiều, đêm nay thế nào viện chủ cũng phải ngủ lại thảo am Chí Đức. Chúng ta sẽ đốt nến nói chuyện. Tôi sẽ kể cho viện chủ nghe hết câu chuyện của thầy tôi, vâng, chúng tôi sẽ không dám dấu diếm điều gì với ngài.

Đêm đã khuya, nhưng trú trì Chí Đức và viện chủ Pháp Vân vẫn còn thức. Hai ngọn bạch lạp yên lặng cháy trên án thư. Các vị đệ tử đã đi nghỉ từ lâu. Rừng núi bên ngoài yên lặng quá. Sau khi kể cho viện chủ Pháp Vân nghe về cuộc đời của quốc sư Ngô Đạt từ khi gặp gỡ tôn giả Kaniska lần đầu

cho đến khi vốc nước rửa lạnh mặt ghè bên dòng Giải Oan, trú trì Tín Cổ dang hắng một tiếng lấy giọng và tiếp:

- Cảm ơn đức sâu dày của Tôn Giả Ca Nặc Ca, thầy tôi từ đây nguyện ở lại núi Cửu Lũng để an cư hành đạo. Người bẻ cây che thành một túp lều trú ngụ ngay tại nơi này. Rồi người đi tìm rau, hái quả, ăn rau trái và uống nước suối để tu hành. Kiến thức Phật pháp bây giờ không còn dùng để luận kinh giảng đạo nữa, mà để tham thiền đạt ngộ. Dần dần, gặp gỡ một vài người tiểu phu vào núi kiếm củi, thầy tôi xin được hạt giống rau đậu, một cây rựa chặt củi và một lưỡi cuốc xới đất. Thầy tôi sống như vậy mà an lạc gấp ngàn lần hồi còn làm quốc sư tại kinh đô. Sau khi được thầy tôi chấp nhận làm đệ tử, tôi đã ra công phát triển khá rộng khu vườn quanh am, và từ đó hai thầy trò không còn thiếu thốn thực phẩm nữa. Thị giờ rảnh rang, tôi đi đốn củi và nhờ gia đệ gánh về chợ bán, lấy tiền mua bút giấy để bắt đầu học tập. Thầy tôi từ khi có giấy bút cũng bắt đầu trước

thuật... Người viết ra nhiều tác phẩm, nhưng *Từ Bi Thủy Sát Pháp* là tác phẩm người viết ra sớm nhất. Sát Pháp này sở dĩ lấy tên là *Từ Bi Thủy* đó cũng vì thầy tôi nhớ lại nước suối từ bi màu nhiệm của tôn giả Ca Nặc Ca đã rửa sạch oán thù, giải được mối oan kết cho người. Thầy tôi hành trì Sát Pháp này trong nhiều mùa kiết hạ. Thầy tôi dặn tôi nhiều lần:

- Tu học là để giải thoát chứ không phải để tìm cầu danh lợi. Tôi hiểu lời giáo huấn đó, bởi vì tôi được thầy tôi kể cho tôi nghe về những chuyển biến trong cuộc đời của Ngài. Thầy tôi còn dặn đừng tiết lộ chuyện này cho ai biết. Đáng lý ra, tôi phải vâng lời thầy tôi. Nhưng đêm nay, tôi thấy tôi không thể nào giữ được câu chuyện to lớn đó cho một mình tôi. Tôi thấy tôi không đủ sức. Tôi không hiểu tại vì sao. Có lẽ vì viện chủ là một người đã từng được gặp gỡ thầy tôi, và như vậy, đối với tôi, ngài là một người tri kỷ. Ngồi trước viện chủ tôi có cảm tưởng gần gũi thầy tôi. Kể cho viện chủ nghe rồi, tôi có cảm tưởng tôi sẽ không có nhu

câu kể cho một người thứ hai nào nghe nữa. Bây giờ, sau khi đã cho viện chủ biết hành trạng của thầy tôi, tôi thấy nhẹ hẫng người. Thôi đêm đã quá khuya, tôi xin đưa viện chủ vào liêu phòng an nghỉ. Tôi đã sắp sẵn chiếu mền. Sáng mai, tôi sẽ đưa viện chủ đi viếng tháp thầy tôi và sẽ trình viện chủ những tác phẩm mà người để lại.

Nằm trên giường, viện chủ chùa Pháp Vân thao thức không ngủ. Ngoài kia chắc sương phủ hết miền thung lũng núi Cửu Lũng. Các loài cầm thú trong rừng có ngủ không, mà sự im lặng của núi rừng có vẻ linh hoạt thế này? Bốn mươi năm là nhiều hay ít? Bốn mươi năm qua ta đã làm gì? Học Phật, chấp tác, ngồi thiền, giảng kinh, thuyết pháp. Từ một chú tiểu mười sáu ta đã lớn lên, vượt tiến, để bây giờ làm viện chủ một thiền viện. Bốn mươi năm bó chân, để cho sự việc ở chân núi Cửu Lũng đi qua như nước chảy dưới cầu. Đột nhiên chú tiểu Tâm Thế sống dậy, hai mắt ướt đẫm. Mình đã có duyên mang chậu nước nóng cho quốc sư, nhưng mình đã không có duyên rửa gẻ cho quốc sư

như tôn giả Ca Nặc Ca. Đột nhiên chú tiểu Tâm Thế không muốn làm Viện Chủ nữa. Đột nhiên chú tiểu Tâm Thế không muốn bị ràng buộc trong những giao tiếp phiền toái “Bạch đại đức, thưa viện chủ, khai Hòa Thượng...” nữa. Làm viện chủ thì lấy đâu cơ hội trồng rau, tía bắp, đốn củi và đi du hành kịp thời đến chân núi Cửu Lũng. Núi Cửu Lũng nào có xa xôi gì đâu, chỉ nửa ngày đường. Ấy thế mà phải đợi bốn mươi năm mới tìm tới được. Chậm quá còn gì. Họa chẳng còn tiếng suối thăm thẳm. Viện chủ Pháp Vân, à không, chú tiểu Tâm Thế lắng tai, cố ý nghe. Quả có tiếng suối róc rách, càng lúc càng nhỏ, càng lúc càng mờ ảo. Và trong cơn mơ, chú thấy hai cây tùng vươn cao, hùng vĩ trên sườn núi Cửu Lũng, đột ngột lẫn khuất trong mây. Hai cây *Sequoia Sempervirens* cao ngất từng không.

*** **

- (1) “Chỉ tại thử sơn trung, vân thâm bất tri xứ.
Thơ của Giả Đảo

GIỌT NƯỚC CÀNH CHIM

để tưởng niệm Nhất Chi Mai

Nhất Hạnh

Trong một khu rừng thâm u ở cao nguyên, có một cổ thụ già người ta không biết là đã sống mấy ngàn năm. Thân cổ thụ lớn mười tám người ôm không xuể. Những chiếc rễ lớn của cổ thụ, phần nhô lên trên mặt đất, chạy ra một đường bán kính bốn mươi lăm thước. Mặt đất, dưới tàn cổ thụ, mát lạnh lạ lùng. Thân cổ thụ cứng như đá, móng tay bám vào chỉ làm đau ngón tay. Tàn cổ thụ chuyên chở hàng vạn tổ chim, hàng trăm ngàn con chim lớn nhỏ. Buổi sáng khi mặt trời lên, tia nắng đầu, như một chiếc đĩa của một nhạc trưởng tài ba, làm phát động một bản hợp tấu vĩ đại của hàng vạn giọng chim. Bản hợp tấu hùng mạnh như sự bùng tỉnh của

mặt trời sau đỉnh núi. Tất cả dân chúng của núi rừng đều đứng dậy, hoặc trên hai chân, hoặc trên bốn chân, kính cẩn và đôi khi ngơ ngác.

Trong một cái bọng cây lớn chỉ bằng một trái bưởi Biên Hòa, nơi thân cổ thụ cao cách mặt đất đúng mười hai thước, có một chiếc trứng chim nhỏ màu nâu. Không biết con chim nào đã tới đặt chiếc trứng xinh đẹp kia vào bọng cây. Bọng cây không được lót bằng cọng rơm hoặc tờ lá khô nào. Người ta có thể nghĩ là chiếc trứng kia không phải là từ một con chim sanh ra mà là do khí thiêng của rừng già và sức sống của cổ thụ un đúc kết thành. Ba mươi năm mà chiếc trứng vẫn nằm y nguyên, không nở. Có những đêm, loài chim thức giấc thấy mây che trên bọng cây và từ bọng cây có ánh sáng chiếu ra làm rạng rỡ cả một góc rừng. Vào một đêm trăng tròn thánng tư, chiếc trứng nở và một con chim lạ ra đời. Con chim nhỏ xíu, kêu chiêm chiếp trong đêm lạnh. Trăng rất sáng. Sao rất sáng. Chim nhỏ kêu suốt đêm; tiếng kêu không bi thương, không hờn oán; tiếng kêu như sự diễn tả bàng hoàng, lạ

lùng. Con chim nhỏ kêu như thế cho đến khi mặt trời mọc, tia nắng đầu làm trời dậy bản hợp tấu của hàng vạn giọng chim. Từ lúc đó con chim nhỏ không còn kêu nữa.

Nó lớn rất mau. Những hạt dẻ, những hạt đậu do những con chim mẹ đem tới bọng cây không thiếu.

Chiếc bọng cây bây giờ trở thành nhỏ bé quá, con chim phải tìm một cái bọng lớn gấp mười lần để ở. Nó đã biết bay, biết đi tìm mồi và đã mang về những cọng rơm lót ổ. Lạ thay, ngày xưa trứng màu nâu, nhưng chim giờ đây toàn thân màu trắng tuyết. Lúc chim bay, hai cánh xòe rộng đập rất khoan thai. Hai chân nép hẳn về phía sau. Chim bay rất mau và rất im lặng. Chim thường bay tới những vùng rất xa, nơi có những thác nước trắng xóa rơi ào ào ngày đêm, hùng vĩ như hơi thở của đất trời.

Có những lần chim đi năm bảy ngày không về. Khi về, chim nằm yên, có khi cả ngày cả đêm, không bay ra khỏi tổ. Chim không hát. Chim trầm

lặng ít nói. Hai mắt của chim sáng thật sáng nhưng không bao giờ hết vẻ bờ ngỡ lúc ban đầu.

Nơi rừng già Đại Lão có một chiếc am dựng cheo leo bên triền đồi. Có một đạo sĩ tu ở đó gần năm mươi năm. Chim thường bay ngang rừng Đại Lão, và thỉnh thoảng thấy đạo sĩ đi chậm chạp trên một đường mòn xuống suối, tay cầm chiếc tịnh bình. Có một hôm nọ, khói lam nhẹ vương trên mái thảo am, không khí khu đồi trông ra ấm áp. Chim thấy hai đạo sĩ cùng đi với nhau trên con đường mòn dẫn từ suối lên đến thảo am. Hai người vừa đi vừa nói chuyện. Đêm hôm ấy, chim ở lại rừng Đại Lão. Chim ẩn trên một lùm cây. Chim không ngủ. Suốt đêm chim nhìn ánh lửa phát ra từ chiếc thảo am. Hai đạo sĩ đã đốt lửa nói chuyện suốt đêm.

Chim bay cao. Thật cao trên khu rừng già. Đã mấy hôm nay rồi, chim bay liệng trên trời cao, không đáp xuống. Dưới kia là cổ thụ già trong khu rừng già, dưới kia là dân chúng của núi rừng ẩn náu trong lau lách, bụi cây, tàn lá. Từ hôm chim nghe, được câu chuyện giữa hai người đạo sĩ, chim

thấy niềm bỡ ngỡ của chim càng ngày càng to lớn. Chim từ đâu tới và chim sẽ đi về đâu? Cổ thụ kia còn sống được mấy nghìn năm? Đàn con cháu của hàng vạn giống chim mà cổ thụ chuyên chờ trên mình còn ca hát tới ngày nào? Chim đã nghe hai đạo sĩ nói tới thời gian. Thời gian là gì? Thời gian tại sao có thể đem ta lại và chắc chắn sẽ mang ta đi? Một hạt dẻ mà chim ăn có tính cách ngọt bùi của nó. Thời gian là gì? Tính cách của thời gian ra sao? Chim ước ao mỗi đêm về tổ một mảnh nhỏ thời gian, và nằm yên trong tổ mấy ngày để nghiên cứu xem đó là chất gì. Dù có phải để hàng tháng hàng năm mà nghiên cứu, chim cũng vui lòng. Nhưng làm thế nào để tìm ra thời gian để mà lấy được một mảnh nhỏ đem về?

Chim bay cao, bay thật cao trên khu rừng già, không đáp xuống. Chim như một chiếc bong bóng căng tròn bay giữa hư không. Chim thấy bản thể mình trống không như chiếc bong bóng. Cái trống rỗng của bản thể chim chính là nền tảng hiện hữu của chim. Nhưng đồng thời cũng là niềm đau

của chim. Thời gian ơi, nếu ta tìm được người, chắc hẳn ta sẽ tìm thấy chính ta, chim suy nghĩ.

Mười mấy ngày đêm rồi, chim nằm yên trong tổ. Chim đã mang về một viên đất nhỏ rừng Đại Lão. Chim nằm chiêm nghiệm. Chim mở viên đất xem xét. Đạo sĩ rừng Đại Lão đã nói với bạn: “Thời gian nằm ở nhận thức. Nhận thức và đối tượng nhận thức là một. Mỗi lá cây, mỗi ngọn cỏ, mỗi viên đất kia đều mang tính cách nhận thức, đều mang theo thời gian.”

Chim vẫn chưa tìm được thời gian. Mẩu đất nhỏ mang về từ rừng Đại Lão đã không chịu nói năng gì. Vị đạo sĩ không lẽ đã nói gạt bạn. Thời gian nằm ở nhận thức. Nhưng nhận thức nằm ở đâu? Chim nhớ tới những thác nước ào ào tuôn chảy bất tuyệt ở khu rừng phía tây bắc. Chim nhớ đến những ngày chim lắng nghe tiếng thác nước từ sớm đến chiều; chim đã ào ào theo thác nước, chim đã tuôn chảy theo thác nước, chim đã đùa giỡn với ánh nắng trên thác nước, chim đã như thác nước vượt ve những tảng đá trên dòng suối. Những lúc ấy chim

tương chim là thác nước, và chính tiếng ào ào tuôn chảy bất tuyệt kia là chính từ chim phát ra.

Một buổi trưa bay ngang qua rừng Đại Lão, chim không thấy thảo am. Trọn khu rừng đã cháy rụi, thảo am của đạo sĩ chỉ còn là một đống tro nhỏ. Chim hốt hoảng bay quanh tìm kiếm. Đạo sĩ không còn có mặt tại khu rừng. Đạo sĩ đã đi đâu? Rừng cháy, xác thú, xác chim. Lửa đã đốt cháy đạo sĩ rồi chăng ? Đạo sĩ đã đi về đâu? Chim ngỡ ngác. Thời gian ơi, người là ai? Sao người đem ta tới rồi người lại sẽ đem ta đi? Người ở đâu, đạo sĩ giờ này ở đâu? Đạo sĩ đã nói: “Thời gian nằm ở nhận thức”. Vậy có lẽ giờ này thời gian đã đưa đạo sĩ về nhận thức. Nhưng nhận thức, nhận thức, ta biết đâu mà tìm nó bây giờ? Bỗng dưng chim thấy nóng ruột. Chim bay thật nhanh về khu rừng già. Tiếng kêu rú, tiếng gào thét của một loại chim khổng lồ. Tiếng nổ. Khu rừng già, từ phía xa, đang bốc cháy. Mau hơn, mau hơn nữa, chim bay. Lửa cháy rục trời. Lửa cháy lan gần tới cổ thụ. Hàng trăm vạn giọng chim hốt hoảng kêu la riu rít. Tiếng nổ vẫn tiếp tục. Cây

cổ thụ bén lửa. Chim lấy cánh đập lửa, mong cho lửa tắt, nhưng lửa không tắt. Lửa càng cháy bùng. Chim liệng ra bờ suối nhúng ướt hai cánh, trở về rải nước xuống khu rừng. Những tiếng xèo xèo. Không đủ, không đủ. Nước thấm ướt hai cánh chim không đủ dập tắt lửa. Chim lại liệng ra bờ suối tẩm ướt hai cánh, tẩm ướt đầu, ướt mình, ướt đuôi. Chim liệng trở vào khu rừng cháy. Những giọt nước bắn vào lửa nghe xèo xèo. Không đủ, không đủ. Nước thấm ướt mình chim không đủ dập tắt lửa. Tiếng kêu khóc của hàng trăm ngàn vạn giọng chim, và tiếng kêu khóc của những con chim non chưa đủ lông cánh. Lửa bắt cháy cổ thụ. Lửa kêu răng rắc. Lửa tấp vào thân cây. Sao không có một trận mưa? Sao thác nước tuôn chảy bất tuyệt kia ở khu rừng tây bắc không tràn vào khu rừng đang bốc cháy? Đột nhiên chim thấy mình là thác nước. Chim bỗng phát ra tiếng kêu lạnh lạnh. Tiếng kêu trầm thống, bi thương đột nhiên biến thành tiếng ào ào của thác nước. Chim bỗng thấy hiện hữu mình tràn đầy. Nỗi cô đơn và trống rỗng tan biến như

một ảo tượng. Hình dáng của vị đạo sĩ. Hình dáng của mặt trời sau đỉnh núi. Hình dáng của thác nước tuôn chảy ào ào bất tuyệt từ ngàn đời. Tiếng kêu của chim giờ đây là tiếng thác đổ âm âm. Không còn ngân ngại gì nữa chim liệng mình vào khu rừng lửa như một thác nước vĩ đại. Tiếng sấm nổ. Mưa trút xuống khu rừng. Mưa trút xuống như thác đổ.

Một buổi sáng mai hồng. Có tia nắng màu nhiệm của mặt trời, nhưng không có bản hợp tấu buổi sáng của ngàn vạn giọng chim. Khu rừng cháy loang lổ. Cổ thụ già còn đứng vững đó nhưng cành lá đã xém cháy hơn một nửa. Xác chim lớn, xác chim nhỏ. Rừng buổi sáng im lìm, im lìm.

Những con chim còn sống gọi nhau, giọng chim còn ngỡ ngác. Chúng không biết do duyên cớ nào trời đang nắng bỗng nhiên mưa trút xuống làm tắt ngọn lửa cháy rừng chiều qua. Chúng có chứng kiến cảnh con chim rảy nước từ hai cánh để dập tắt lửa. Chúng biết đó là con chim trắng của cổ thụ già. Chúng đã bay khắp khu rừng cháy tìm xác con chim trắng, nhưng không tìm thấy. Có thể chim đã bay đi

sống ở một khu rừng khác. Có con nghĩ rằng chim đã chết cháy ở một ngọn cây nào. Cổ thụ thương tích đầy mình, không nói năng một lời. Những con chim còn sống nghenh mặt nhìn trời và bắt đầu xây lại những chiếc tổ khác trên thân hình đầy thương tích của cổ thụ. Có ai nghĩ rằng cổ thụ đang thương tiếc đưa con do khí thiêng núi rừng và sức sống ngàn năm của chính mình un đúc? Chim ơi chim đã về đâu? Theo lời đạo sĩ, ta tin rằng thời gian đã đưa chim về bản nguyên nhận thức.

MỘT BÓ HOA ĐỒNG

Nhất Hạnh

Ngày xưa có một bác nông phu tánh tình dễ thương; người vợ bác sanh được hai người con thì mất. Bác nuôi hai con cho đến khi thằng anh lên mười sáu tuổi và con em lên mười một thì bác thọ bệnh và qua đời. Theo lời di chúc của bác, hai người con chôn bác trên một đám ruộng nhà, một đám ruộng xung quanh có trồng nhiều cây ô môi và cây so đũa.

Dù nhà nghèo, bác nông phu đã quyết tâm không bán bớt ruộng đất của cha ông để lại. Bác từng nói với hai con:

- Bốn đám ruộng nhà mình là do tổ tiên nhiều đời để lại. Trong di chúc truyền miệng lại từ sáu đời, cha ông chúng ta căn dặn rằng con cháu không ai có quyền bán đất.

Hai anh em nghe nói rằng tổ tiên cách đây sáu

đời đã từ miền Trung di cư tới; trước đó đất đai miền này chưa được khai phá, và chưa thuộc về quyền sở hữu của bất cứ tư nhân nào. Bốn đám ruộng hiện nay là công trình khai phá của thế hệ đầu tiên vào Nam lập nghiệp. Có thể họ không phải là nông phu mà chỉ là người ẩn sĩ, học lấy nghề nông để tìm đường thoát khỏi những ràng buộc của hoạn lộ chông gai. Từ đó, con cháu trở thành nông phu thuần túy. Trước khi mất, bác nông phu đã gọi hai con đến bên giường và dặn dò nghiêm mật:

- “Cha đã từng nói với các con là bốn đám ruộng nhà mình con cháu không ai được bán. Sau khi cha mất đi, các con phải giữ gìn khai thác những đám ruộng ấy, không cho ai thuê mượn. Đã từ năm đời nay, cha ông chúng ta tin rằng có vàng bạc, châu báu chôn ở một nơi trong bốn đám ruộng đó. Nhưng từ ấy đến nay, chưa ai tìm ra được. Nghe nói là tổ tiên của chúng ta từ miền Trung vào đây đã chôn dấu những kho tàng ấy. Các ngài có để lại một bài kệ nơi trang 44 của cuốn gia phả. Ông nội các

con nói rằng bài kệ ấy có thể là chìa khóa đi tìm chỗ chôn kho bảo vật. Đã từ năm đời, chưa ai tìm được bảo vật, bởi vì chưa ai hiểu được ý nghĩa sâu kín của bài kệ. Ông nội các con có nói với cha rằng, muốn hiểu được ý nghĩa sâu xa của bài kệ thì phải để ra thật nhiều thì giờ mà chiêm nghiệm. Trong suốt cuộc đời của ông nội các con, đất nước chúng ta thường bị loạn lạc, và ông nội các con đã phải đi lánh nạn nhiều lần. Nhà cửa bị tan nát, ông nội các con đã phải cực nhọc lắm mới xây dựng được căn nhà này. Vì thế nên ông nội các con không có thì giờ để nghiên ngẫm bài kệ. Trước khi mất, ông nội các con có căn dặn lại mọi điều, và hy vọng rằng cha sẽ có thảng rộng năm dài mà chiêm nghiệm về bài kệ. Nhưng than ôi, dù không bị chạy loạn, dù không phải lo cất lại nhà, cha vẫn không có được thì giờ để làm công việc ấy. Sau khi cưới mẹ các con, cha tưởng rằng công việc đồng áng sẽ nhàn hạ hơn, bởi vì mẹ con cũng là con gái một nông dân cần mẫn lắm. Mẹ con rất đảm đang, không những lo lắng hết công việc trong nhà mà

còn giúp cha rất đắc lực trong công việc ngoài đồng. Tuy vậy cha vẫn không có được chút thì giờ rông rãi cần thiết để làm cái công việc mà bao nhiêu thế hệ mong mỏi mà chưa làm được.

Nay thì hoài bão đã trao về thế hệ các con. Hãy đừng quá bận rộn như cha. Hãy làm đủ ăn mà thôi, đừng phí hết thì giờ vào việc mưu sinh. Các con hãy thay cha mà tìm ra được ý nghĩa sâu xa của bài kệ, tìm ra được kho vàng. Như thế thì mới khỏi phụ lòng của tiên tổ chúng ta nơi chín suối. Cuốn gia phả cha vẫn cất trong chiếc hộp gỗ đặt trên bàn thờ. Các con phải nhớ là bài kệ ở trang 44.”

Sau khi chôn cất cha xong, hai anh em lạy trước bàn thờ tổ tiên và thỉnh cuốn gia phả xuống, cung kính mở ra đúng trang 44. Người anh đọc bài kệ như sau:

Thượng vô phiến ngã già

Hạ vô trác chùy địa

Hoặc dịch phục trực nghệ

Hoặc sách trượng nhị chí

*Động chuyển xúc xử gian
Tợ long được thôn nhĩ. (1)*

Cả hai ngồi lặng yên thật lâu. Tuần nhang cháy đã gần hết trên bàn thờ, cô em gái mới lên tiếng:

- Anh hai có hiểu được chút gì không? Em nghe bài kệ hay hay nhưng em chẳng hiểu được chút nào hết.

Người anh không đáp, lẳng lặng xếp cuốn gia phả lại, bỏ vào hộp gỗ, kính cẩn đặt lại trên bàn thờ. Cả hai lại sụp lạy trước tổ tiên. Một lúc lâu, người anh nói:

- Đúng như lời của ông nội dạy. Phải có tháng rộng năm dài mới hiểu nổi lời của tiên tổ. Chúng ta sẽ nghe lời nội dạy. Nhất định là sau khi thu xếp cửa nhà, chúng ta sẽ để thì giờ thật nhiều để chuyên tâm nghiêm cứu về bài kệ.

Năm tháng qua mau.

Hai anh em nhà kia đã xây dựng lại căn nhà tổ tiên thành một ngôi nhà mới. Họ được mùa liên tiếp trong sáu năm, nên dư sức xây lại ngôi nhà. Mái ngói đỏ chói. Những cây mít ngoài sân xanh mát sum xuê, trái trĩu nặng từ gốc tới ngọn. Vựa lúa không khi nào vơi. Hai con trâu đen khỏe mạnh thay nhau kéo cày vỡ những thửa ruộng đất đen như mun, làm mọc lên những cánh đồng lúa xanh mơn mớn. Hai anh em làm ăn khá giả. Người trong làng hầu hết đều yêu mến hai người. Người anh cũng như người em, cả hai đều tốt bụng. Có người tới vay lúa, họ không bao giờ từ chối, không bao giờ lấy lãi một thành hai như mọi người. Không có kẻ túng bấn nào đến gõ cửa mà cửa không mở. Người làm lưng phụ với anh em đều là người chân thật, biết xem của chủ như của mình. Khách khứa vào những ngày kỵ giỗ, ra vào tấp nập. Ai cũng khen là anh em tốt phước. Các cô gái trong làng đều để ý tới người anh. Nhưng chưa bao giờ người anh nghĩ đến chuyện cưới vợ. Anh ta nhất quyết không lấy vợ, để có thể có nhiều thì giờ nghiên ngẫm tới bài

kệ của tiên tổ để lại trong cuốn gia phả trên bàn thờ.

Cô em gái cũng đến tuổi lấy chồng. Các chàng trai làng cũng đều ngắm nghé, bởi vì cô vừa thùy mị xinh đẹp, vừa hiền hậu nhân từ. Cô lại là một người làm ruộng giỏi, giúp anh quán xuyến công việc từ trong tới ngoài. Nhiều người đã nhờ mai mối tới dạm, nhưng cô thấy từ chối. Có lẽ là cô cũng đồng ý với anh cô: sống độc thân để có đủ tự do và thời giờ mà tìm ra ý nghĩa của bài kệ.

Nhưng hai anh em chưa ai tìm ra được ý nghĩa của bài thơ. Công việc làm ăn tuy chẳng có gì bận rộn quá mức, nhưng cả hai đều cảm thấy không có thì giờ. Nợ nần không có, nhà cửa khang trang, ruộng đất phí nhiều, mùa màng không thất bát, người làm lụng giúp đỡ không thiếu, tại sao thì giờ lại cứ đi mau như tên bay? Có lúc người anh nằm vắt tay trên trán suy nghĩ suốt đêm. Cơ nghiệp của cha ông để lại, anh đã gánh vác tốt đẹp, nhưng tại sao trong lòng anh thấy không vui? Bài thơ thâm diệu kia có dính líu gì tới cuộc đời anh? Tại sao chưa tìm ra được ý nghĩa mầu nhiệm của nó thì

anh vẫn không thấy trong lòng an ổn? Anh thật có cần tìm ra kho vàng bạc của cha ông để lại chăng? Hay chỉ cần làm theo lòng mong đợi từ đời này sang đời khác của họ? Lắm khi anh tự nghĩ: cơ nghiệp mà anh đã xây dựng, nào nhà cửa, nào vườn tược ruộng nương, chính là trở ngại cho sự tìm kiếm của anh. Một ngày chỉ có hai mươi bốn giờ đồng hồ. Thức dậy, cơm sáng ra đồng; chiều chăm lo công việc cho đến khi trâu bò về chuồng. Buổi tối, sau khi tắm rửa và ăn cơm, anh đi ngủ. Ngày nào cũng như ngày nào. Gặp những ngày hội anh cũng nghỉ ngơi rong chơi, tham dự. Nào có bận bịu gì lắm cho đang. Có ai tay không làm mà hàm có nhai đâu. Một ngôi nhà, một vựa lúa, những thửa ruộng, một đàn trâu bò . . . đó có phải là một nơi nương tựa căn bản hay không? Trên cái căn bản ấy, tại sao anh chưa lên đường đi tìm? Anh còn thiếu thốn gì? Thi giờ. Ông nội nói đến thi giờ. Cha anh nói đến thi giờ. Bây giờ anh cũng nói đến thi giờ. Thi thời giờ đấy - Anh mới có hai mươi tuổi. Làm gì cho hết thi giờ. Tuy nhiên anh không có thi giờ.

Không nhà cửa ruộng nương thì không có miếng đất cắm dùi, anh sẽ đi lang thang. Có nhà cửa ruộng nương, anh lại phải dùng đời anh vào việc chăm sóc nhà cửa ruộng nương. Anh trần trọc không ngủ. Anh nghĩ đến những đạo sĩ ngày xưa bỏ làng bỏ xóm, bỏ cửa bỏ nhà, đi vào rừng sâu hiu quạnh để tìm đạo. Anh nghĩ: 'Ừ, có lẽ phải bỏ hết mới có được thì giờ. Nhưng làm sao mà bỏ. Cơ nghiệp tổ tiên để lại ai lại bỏ đi. Với lại kho vàng nằm trong những đám ruộng của mình. Bỏ đi thì là mất hết.'

Cứ như thế, năm tháng lại nối tiếp qua mau. Thấm thoát mà chàng nông phu đã gần ba mươi tuổi. Niềm thao thức nơi anh không chết, trái lại càng ngày càng sâu đậm hơn. Đời sống hàng ngày trở nên vô vị. Những ngày mùa, lúa chín đầy đồng, thợ gặt hái vui đùa, vừa hát vừa làm việc. Những đêm trăng đập lúa, trai gái trong làng hội họp hát hò, anh không còn thấy vui nữa. Cô em gái bảo anh:

- Hay là anh để em quán xuyến hết mọi công

việc nhà cửa và đồng áng để anh hoàn toàn rỗi rảnh mà lo chiêm nghiệm bài kệ ? Em thấy anh không còn hạnh phúc nữa.

Ban đầu chàng nông phu thấy ý kiến của cô em gái thật hay. Nhưng khi đem ý kiến đó ra thi hành, chàng thấy đó không phải là việc dễ. Đã đành, cô em gái có đủ khả năng quán xuyến mọi việc trong nhà ngoài ngõ, nhưng tại sao anh lại không thể ở không ? Anh đã quen công việc quá rồi, không động tay vào công việc thì anh ngứa ngáy hai tay và đôi mắt. Anh chợt thấy, anh không thể ở không được. Anh đem ý ấy ra nói với cô em gái. Cuối cùng hai anh em tìm ra được một giải pháp: người anh tạm giao cho em tất cả sự nghiệp, còn mình thì tìm một ngôi chùa miền Trung xa xôi, ở lại đây cho đến khi chiêm nghiệm ra được ý nghĩa của bài kệ. Trong thời gian ấy, cô em gái cứ gửi lúa ra cúng chùa mỗi tháng là mười gia. Họ nghĩ: “Khung cảnh chùa thật là thích hợp cho sự chiêm nghiệm bài kệ. Ở chùa, chàng nông phu sẽ được rỗi rảnh hoàn toàn mà suy nghĩ tới bài thơ,

không còn bị công việc đồng áng ám ảnh nữa.”
Thế là chàng chuẩn bị để lên đường.

Chàng nông phu bước chầm chầm trên con đường làng, khăn gói trên vai. Hôm nay chàng trở về nông trại sau ba năm cư trú nơi thiền môn. Trời nắng, con đường làng vắng vẻ, chàng chưa gặp một bóng người. Đi đến ngã tư có cây đa già, chàng dừng lại tránh nắng. Chàng đặt khăn gói xuống đất và ngồi trên một cái rễ cây. Cảnh vật im lìm. Hồn buổi trưa nao nao.

Ba năm cư trú nơi thiền môn đã giúp chàng được những gì ? Ba năm sống trong chùa chàng cũng phải làm lụng như mọi người trong đại chúng. Gánh nước, lật rau, đốn củi, trồng hoa. Công việc có phần nặng nhọc hơn cả công việc ở nhà, vì ở nhà chàng còn có người giúp việc đỡ đần, còn ở chùa thì ai cũng phải làm việc như nhau. Những gia lúa cô em gởi ra cúng chùa, không đỡ đần được công việc cho chàng, bởi vì chấp lao phục dịch là một phần của công phu tu hành, không ai tránh khỏi. Bài kệ chàng học thuộc lòng từng câu, từng

chữ một. Chàng dò thăm trong trí hàng vạn lần trong những giờ ngồi thiền. Nhưng không vỡ vạc ra được tí nào. Hai câu đầu chàng cho là bí hiểm nhất:

**Trên không manh ngói che
Dưới không chỗ cắm dùi.**

Một địa điểm như thế thì thật có khác gì một phi-địa-điểm. Không lý là một cái ao ? Một cái ao vẫn có thể cắm dùi được. Mà trong bốn thửa ruộng làm gì có ao ? Chỉ có cái ao bèo sau nhà mà thôi. Không lý kho tàng lại chôn dấu dưới đáy ao ? Hay lấy kho tàng che dấu dưới một tảng đá ? Đúng rồi trên một tảng đá thì không thể cắm dùi được. Mà trong bốn đám ruộng chàng từng cày bừa, làm gì có một tảng đá nào ? Chàng nghĩ: Một nơi mà ' **trên không manh ngói che** ' thì phải là một nơi lộ thiên. Như vậy thì phải loại ra những nền nhà cũ và mới. Chàng cho là chàng hiểu được câu ấy. Còn câu thứ hai ' **dưới không chỗ cắm dùi** ' thì chàng còn phân vân. Đến hai câu:

hoặc mặc áo lạ lại

hoặc xách gậy mà tới.

thì chàng lại còn phân vân hơn. Có thể là nơi chôn cất những tổ tiên đầu đến lập nghiệp ở đây. Hai câu thơ gợi ý đám tang: có nhiều người mặc áo tang, có thầy tu cầm tích trượng. Nhưng mồ mà tổ tiên đều nằm giữa nghĩa địa trong làng, chứ không phải trong bốn thửa ruộng. Trong đám ruộng xung quanh có trồng cây ô môi và sưa đũa thì chỉ có mồ của cha mẹ chàng mà thôi. Trong khi đó thì bài kệ đã để lại từ sáu đời rồi. Kho vàng không thể nào được chôn ở nghĩa địa. Hai câu chót cũng làm chàng lạc lõng không kém:

**lúc tiếp xúc động chuyển
như rồng nhảy đớp mồi.**

Ban đầu chàng nghĩ đó là địa lý. Có lẽ một thầy địa lý giỏi có thể tìm ra được vị trí chôn cất kho tàng. Vị trí này có lẽ là vị trí con rồng, và miệng con rồng. Một thầy địa lý giỏi có thể quan sát để tìm ra trong bốn thửa ruộng của chàng cái vị trí miệng rồng để giúp chàng đào lên kho tàng cha ông để lại. Nhưng nghĩ cho kỹ lại, đất ruộng phẳng

lỳ trong một diện tích hàng mấy trăm cây số làm gì có rờng xanh hổ trắng ?

Có lần chàng đưa bài kệ cho một vị Thượng Tọa trong chùa để nhờ ngài giải thích, may ra tìm được ý nào chăng. Vị Thượng Tọa đọc xong, hỏi chàng chép được ở sách ngữ lục (1) nào ? Nghe nói chép ở một cuốn gia phả, người cau mày, lấy làm ngạc nhiên. Ngài nói người viết ra bài kệ có dáng dấp một bậc xuất thế. Theo lời vị Thượng Tọa, bài kệ chẳng có dính dấp gì tới địa lý hết. Ba năm trôi qua, chàng không hiểu thêm được gì về bài kệ. Chỉ có lòng chàng là có đổi thay ít nhiều. Chàng nhìn sự thật chăm chú hơn. Ước ao tìm thấy kho vàng của tổ tiên yếu đi. Tuy vậy, chàng cảm thấy giữa bài kệ và cuộc sống hàng ngày, giữa bài kệ và sự ăn uống ngủ nghỉ, làm việc của chàng có một liên hệ gì mật thiết lắm. Mật thiết như là giòng máu của ông cha còn lưu nhuận trong cơ thể của chàng.

Ánh nắng đã dịu, chiều mát xuống. Chàng đứng lên mang khăn gói vác lên vai, và hướng về phía thôn Hạ nhà chàng. Lúa hai bên đường xanh

mơn mơn, ngọn lúa gợn nhẹ theo gió chiều. Lòng chàng man mác một niềm vui. Bỗng tiếng hát của ai thoảng bay tới trong gió, giọng hát tươi vui như sóng lúa mơn mơn. Chàng dừng lại, lắng nghe. Tiếng hát càng ngày càng rõ. Chàng nhận ra đó là tiếng hát của cô em gái chàng. Hướng về tiếng hát, chàng rảo bước đi tìm em, lòng rộn ràng như Tết. Đi một quãng nữa, chàng rẽ vào con đường đi tới đình làng.

Từ phía ruộng dâu đi lên, em gái chàng đang đi giữa đàn trâu bò, tay ôm một bó hoa đồng, vừa đi vừa hát. Cô vẫn chưa trông thấy anh mình. Nhưng kia, cô đã trông thấy chàng với chiếc tay nải trên vai và vôi vàng chạy tới. Chàng nông phu cũng chạy lại với em. Thuận tay cô đưa bó hoa hái được ngoài đồng cho chàng.

Chàng nông phu bước lùi lại một vài bước, nhìn cô em gái mình. Cô cũng ngược mắt nhìn anh, mím cười. Nàng nhìn anh từ đầu đến chân. Nàng nhìn bộ áo nâu chàng mặc, tay nải màu xám chàng mang trên vai, nàng nhìn vào mặt chàng. Lạ quá,

chàng nông phu thấy cái nhìn của em mát rượi như một giòng suối làm thư thái cả thân tâm chàng. Bỗng nhiên bao ưu tư tan biến mất hết, chàng thấy lòng nhẹ nhõm như đám mây bay. Đúng rồi, đó là cô em ruột của chàng, nhưng cái nhìn của cô bao dung và che chở như cái nhìn của một bà mẹ.

Hai anh em lừa đàn trâu bò lên đồi cỏ. Họ đến ngồi trên một mô đất có bóng cây im mát. Chàng bắt đầu kể cho cô em gái nghe ba năm tập tành trên chùa. Nàng nghe chăm chú, không bỏ sót chi tiết nào và không hề ngắt lời chàng.

Chàng kể xong hết chuyện mình rồi quay lại nhìn em. Nước da nàng đen, thân hình nàng mạnh khỏe, hai mắt nàng sáng và nụ cười thật tươi mát hiền lành. Nàng vốn ít nói. Bây giờ lại càng ít nói hơn. Nhưng trong dáng điệu và cái nhìn của cô em, người anh thấy cô đã tìm ra sự bình an và một nguồn hạnh phúc. Chàng nói thêm cho em nghe về những suy nghĩ sau này của chàng về bài kệ trong cuốn gia phả, và tỏ ý ngạc nhiên là chàng không còn tha thiết mấy đến việc tìm kiếm kho

vàng của tổ tiên để lại.

Đến lượt nàng kể chuyện nàng:

“ Sau ngày anh ra đi, một mình em coi sóc cửa nhà ruộng nương, nhưng em không cho đó là công việc nặng nhọc khó khăn. Cho nên em đã làm công việc đồng áng một cách thành thạo. Với sức anh, chỉ trong bảy hôm là anh cày hết ruộng nhà. Em đã để ra tới mười hai hôm, cày thong thả, biết rằng cố gắng làm cho mau xong thì cũng thế thôi; ngày giờ dư ra, biết để làm gì. Công việc nghiên ngẫm bài thơ đã có anh lo liệu.

Nhưng khi cầm lấy bấp cày và thôi thúc con trâu bước tới, em bỗng nghĩ ra một điều mới lạ. Em nói: chỗ đất mà em đang cày đây có thể là nơi chôn dấu kho vàng. Cày được một khoảng, em lại nghĩ: chỗ đất mà em đang cày đây có thể là nơi chôn dấu kho vàng. Nơi nào trong ruộng cũng có thể là nơi chôn dấu kho vàng. Suốt tám ngày trời, cày đến đâu là em nghĩ rằng kho vàng được chôn ở đấy. Cho đến cuối ngày thứ tám.

Chiều ngày thứ tám khi em đang cày luống

cuối cùng của thửa ruộng gần chùa, em bỗng giật mình thấy rằng tất cả ruộng nương của mình, nơi nào cũng là kho vàng, không phải kho vàng cất giấu trong lòng đất mà là kho vàng nơi mỗi tấc đất. Không phải em hiểu theo câu ca dao *ai ơi đừng bỏ ruộng hoang, bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu* đâu anh. Không phải vì ruộng đất cho mình lúa mà mình quý nó như vàng. Em thấy rõ ràng rằng em quý đất vì nó là đất chứ không phải nó là vàng. Rồi em nhìn ra, em thấy cái cây, con trâu, những đám mây trắng, chân trời và hàng cây bông sứ sau chùa. Em thấy quý cái cây vì nó là cái cây, em quý con trâu vì nó là con trâu, em quý những đám mây vì nó là đám mây, em quý hàng cây bông sứ vì chúng là hàng cây bông sứ. Em nhìn lại em; em cũng thấy rõ ràng em quý em bởi vì em là chính em... Em chợt nghĩ rằng cái em đi tìm không phải là một kho vàng mà là sự có mặt hiển nhiên của em và của mọi sự vật trong trời đất.

Tới đó em sung sướng như người ta khi bắt được vàng. Em về tắm gội, ăn cơm với những

người giúp việc, và cảm thấy yêu thương cuộc đời, thương yêu mọi người, thương yêu mọi vật. Sáng ngày mai, em đem trâu ra ruộng tiếp tục cày thửa thứ ba. Suốt ngày hôm ấy và ba ngày kế tiếp sau đó, em cày ruộng với ý thức thật minh mẫn, mỗi giọt mồ hôi của em nhỏ xuống ruộng đều như mang linh hồn em tưới vào đất ruộng. Con trâu thật là một người bạn đường quý giá. Em thấy giữa em và con trâu, không có ai là quan trọng hơn ai, và em thấy giữa chúng em có một mối tương quan mẫu nhiệm khôn tả.

Nếu em biết viết, chắc em đã viết thư kể cho anh nghe những điều đó, và nói cho anh biết dù anh không tìm ra được ý nghĩa của bài kệ, dù anh không tìm ra được kho vàng, thì đời sống chúng ta vẫn tràn đầy hạnh phúc. Em cứ tiếp tục gửi lúa cho chùa hàng tháng, nghĩ rằng anh cũng như em, khao khát tìm ra kho vàng tổ tiên thì ít mà khao khát tìm ra ý nghĩa bài kệ thì nhiều.

Riêng em, em cứ mỉm cười không biết nếu tìm ra được kho vàng thì anh và em sẽ dùng vàng để

làm gì. Mua thêm ruộng đất chẳng, xây cất thêm nhà cao cửa rộng chẳng? Ruộng đất từng này cày chưa đủ sao, nhà cao cửa rộng ai mà coi sóc? Cái nhà của anh, mấy miếng ruộng của anh đã chẳng đủ làm cho anh mệt mà phải lánh về chùa đó sao?

Em không thiết tha đến kho vàng. Nhưng bài kệ của tổ tiên để lại, em thấy có gì liên hệ mật thiết đến đời em. Từ ngày anh đọc cho em học thuộc, em thường hay đọc lại một mình. Tối nay em vẫn không hiểu được gì hết. Tuy vậy mà mỗi lần đọc lên, em thấy rung động trong lòng. Cũng như khi nghe gió kêu xào xạc trong lá sưa đũa, em chẳng biết là gió muốn nói gì, em chỉ biết em ưa nghe tiếng gió thổi như thế và cảm thấy gần gũi rất nhiều với gió với cây.

Em không ham muốn gì kho vàng, nhưng nhờ tám ngày cày ruộng trên kho vàng mà em tìm ra được em, được lưỡi cày, được con trâu, được đám mây trắng, được cây bông sứ sau chùa. Tối hôm ấy em nằm mơ thấy cha chúng ta nhìn em mà cười, nét mặt rất là hoan hỷ. Em nói với cha: ‘ Chính anh hai

con đã tìm ra kho vàng đó, chứ không phải con đâu.’

Từ ngày ấy, em sống rất thanh thản, ca hát với trâu bò, với nương khoai, ruộng lúa. Em đợi anh về. Anh ở lại trên chùa đến ba năm. Bây giờ anh về, em sung sướng quá.”

Chàng nông phu trẻ lắng nghe những lời nói phát xuất từ đáy lòng của cô em gái. Chàng giật mình khi nghe cô em nói đến phát kiến của nàng về kho vàng. Đã có lần chàng đi sát tới nơi mà chàng chưa vượt qua được. Đúng là cũng có lần chàng cảm thấy không thiết tha tới kho vàng. Đúng là chàng cũng thấy là bài kệ của tổ tiên có liên hệ mật thiết tới chàng như giòng máu tổ tiên hiến dâng lưu chuyển trong từng huyết mạch. Có lẽ vì chàng đi tìm nên chàng đã không gặp và em chàng đã gặp vì đã không có ý muốn đi tìm. Sáng mai, chàng sẽ đi thăm lại ruộng đồng, nhìn lại bắp cày, con trâu, bông lúa, để thấy lại lòng mình sau bao nhiêu năm xa cách.

Chàng đứng dậy, nhìn cô em với cặp mắt biết ơn và thân ái. Hai người lên đồi, lùa đàn trâu bò xuống. Trên con đường về nông trại, chàng nông phu nghe trời đất và quê hương như một cánh tay hiền từ ôm trọn lấy lòng chàng.

9.4.1976

(1) kê của thiền sư Tịnh Không (1091-1170) trong Đại Nam Thiên Uyển Truyền Đăng Tập Lục. Nguyễn Lang dịch như sau:

Trên không manh ngói che
Dưới không đất cắm dùi
Hoặc mặc áo lạ lạ
Hoặc xách gậy mà tới
Lúc tiếp xúc động chuyển
Như rồng nhảy đớp mồi



Lá Bối

P.O Box 781

San Jose

California 95106-0781

Điện Thoại (510) 686-2908

AM MÂY NGU (Truyện ngoại sử).....	Nhất Hạnh
AN TRÚ TRONG HIỆN TẠI.....	Nhất Hạnh
BÔNG HỒNG CẢI ÁO.....	Nhất Hạnh
BƯỚI (Tập truyện).....	Nhất Hạnh
CHÙA XUA TÍCH CŨ.....	Nguyễn Bá Lăng
CON ĐƯỜNG CHUYỂN HÓA (Kinh Tứ Niệm Xứ).....	Nhất Hạnh
CỬA TỪNG ĐÔI CÁNH GÀI.....	Nhất Hạnh
ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI.....	Nhất Hạnh
ĐẠO PHẬT HIỆN ĐẠI HÓA.....	Nhất Hạnh
ĐẠO PHẬT NGÀY NAY.....	Nhất Hạnh
ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY.....	Nhất Hạnh
ĐƯƠNG XUA MÂY TRẮNG- Theo gót chân Bụt.....	Nhất Hạnh
IM LẠNG SẮM SÉT (Kinh người bắt rắn).....	Nhất Hạnh
KIM CANG - Gươm báu chặt đứt phiền não.....	Nhất Hạnh
KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG (Năm pháp giới và bốn tầng thượng tâm).....	Nhất Hạnh
KINH NGƯỜI BIẾT SỐNG MỘT MÌNH - Dịch và chú giải.....	Nhất Hạnh
KINH PHÁP ÁN - Dịch và chú giải.....	Nhất Hạnh
KINH QUÁN NIỆM HƠI THỞ - Dịch và chú giải.....	Nhất Hạnh
NÈO VÀO THIÊN HỌC.....	Nhất Hạnh
NÈO VÉ CỦA Ý.....	Nhất Hạnh
NGHI THỨC TỤNG NIỆM (toàn bản quốc văn).....	Nhất Hạnh
NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI.....	Nhất Hạnh
PHÉP LA CỦA SỰ TÌNH THỨC - cảm nang tu thiền.....	Nhất Hạnh
THIỆN HÀNH YẾU CHỈ.....	Nhất Hạnh
THỬ TÌM DẤU CHÂN TRÊN CÁT - thơ.....	Nhất Hạnh
TÌNH NGƯỜI - truyện của tác giả khi còn là chú điếu.....	Nhất Hạnh
TỔ (tập truyện).....	Nhất Hạnh
TRAI TIM CỦA HIẾU BIẾT.....	Nhất Hạnh
TRAI TIM MẶT TRỜI - từ chánh niệm đến thiền quán.....	Nhất Hạnh
TỪNG BƯỚC NỞ HOA SEN (thi kệ nhật tụng).....	Nhất Hạnh
TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM.....	Nhất Hạnh
TƯƠNG LAI THIÊN HỌC VIỆT NAM.....	Nhất Hạnh
VĂN LANG DỊ SỬ - truyện cổ tích nước Văn Lang.....	Nhất Hạnh
VỀ VIỆT NAM - sáu bài giảng về gốc rễ hạnh phúc và tu tập.....	Nhất Hạnh
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN I.....	Nhất Hạnh
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN II.....	Nhất Hạnh
A GUIDE TO WALKING MEDITATION.....	Nhất Hạnh
BEING PEACE.....	Nhất Hạnh
BREATH! YOU ARE ALIVE.....	Nhất Hạnh
THE HEART OF UNDERSTANDING.....	Nhất Hạnh
THE MIRACLE OF MINDFULNESS.....	Nhất Hạnh

INTERBEING.....	Nhất Hạnh
MOON BAMBOO.....	Nhất Hạnh
OLD PATH WHITE CLOUDS.....	Nhất Hạnh
OUR APPOINTMENT WITH LIFE.....	Nhất Hạnh
PEACE IS EVERY STEP.....	Nhất Hạnh
THE PINE GATE.....	Nhất Hạnh
PRESENT MOMENT, WONDERFUL MOMENT.....	Nhất Hạnh
ROSE FOR YOUR POCKET.....	Nhất Hạnh
THE SUN MY HEART.....	Nhất Hạnh
SUTRA ON EIGHT REALIZATIONS OF THE GREAT BEING.....	Nhất Hạnh
TRANSFORMATION AND HEALING.....	Nhất Hạnh
ZEN POEMS.....	Nhất Hạnh

Thư từ, Chi Phiếu xin để:
 Lê Bối
 PO Box 781
 San Jose, CA 95106-0781
 Điện Thoại: (510) 686-2908

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn